

BỘ Y TẾ  
 ĐẠI HỌC Y DƯỢC  
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
 HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH NỘP BẢN SAO CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ  
 NĂM 2025  
 (Cập nhật đến 15g00 ngày 15/7/2025)**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1	02046043	Dương Nguyễn Mỹ An	30/11/2007	7		
2	35003352	Hồ Vũ Gia An	18/12/2007	6.0		
3	56002044	Huỳnh Phước An	08/11/2007	7.0		
4	52003846	Lại Hoàng An	07/07/2007	6.0		
5	02011382	Lê Nguyễn Quốc An	15/02/2007	6.5		
6	02046049	Lê Trần Khánh An	31/01/2007	7.5		1380
7	02005451	Ngô Gia An	01/08/2007	7		
8	02011383	Ngô Phúc An	30/09/2007	6		
9	55012618	Nguyễn Hải An	04/11/2007	8.0		
10	01040043	Nguyễn Hoàng Ngân An	24/11/2006	6.5		
11	02091775	Nguyễn Ngọc Huệ An	26/09/2007	6.5		
12	02011386	Nguyễn Quốc An	11/06/2007	7		1360
13	04010419	Nguyễn Thị Minh An	17/11/2007	7		1500
14	02035995	Nguyễn Thị Thùy An	27/09/2007	7		
15	02063639	Nguyễn Tô Thảo An	08/05/2007	6.5		
16	41007533	Nguyễn Việt Khánh An	29/11/2007	7.0		
17	46000005	Phạm Đức An	21/01/2007	7.5		
18	44001043	Phạm Ngọc An	02/04/2007	8		1440
19	48000295	Phạm Quốc An	04/08/2007	7.5		
20	46000006	Phan Vũ Phương An	06/02/2006	6		
21	02002610	Trần Huỳnh Thúy An	18/12/2007	6.0		
22	01019305	Trần Thái An	03/07/2007	7.5		
23	29035282	Trần Thị Vân An	20/07/2007	6.5		
24	02020681	Trịnh Huỳnh Vỹ An	16/11/2007	6.5		
25	61000010	Võ Xuân An	20/06/2007	6.5		
26	02002670	Lâm Nguyễn Thiên Ân	15/08/2007	6		
27	02011457	Lê Dương Bảo Ân	23/11/2007	6		
28	04013291	Nguyễn Trâm Minh Ân	15/08/2007	7		1480
29	02011460	Trần Huỳnh Thiên Ân	03/09/2007	6.5		
30	02028129	Dương Võ Minh An	12/03/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
31	02057824	Nguyễn Tường An	10/03/2007	7.0		
32	02096535	Bùi Huỳnh Thụy Anh	02/11/2007	6.5		
33	02046061	Bùi Trần Minh Anh	27/12/2007	6.5		
34	02020684	Chu Hoàng Anh	26/11/2007	7		
35	02002613	Chu Nguyễn Quỳnh Anh	03/03/2007	7.5		
36	02005459	Đặng Quỳnh Anh	18/06/2007	6.5		
37	02011397	Đào Vương Anh	23/01/2007	8.5		1500
38	48000568	Đinh Hữu Anh	02/06/2007	6.5		
39	02005462	Đỗ Nguyễn Minh Anh	16/10/2007	6.5		
40	35012127	Đỗ Trần Diệu Anh	31/10/2007	6.0		
41	02011404	Đỗ Vân Anh	09/01/2007	7.5		1350
42	02096538	Đoàn Trương Minh Anh	13/02/2007	6.5		
43	02011273	Dương Ngọc Trâm Anh	21/12/2007	7.5		
44	02080835	Hà Bảo Anh	29/08/2007	6.5		
45	51000767	Hà Bình Phương Anh	28/11/2007	6.5		
46	01006077	Hà Minh Anh	26/10/2007	8.5		
47	02002620	Hà Nhã Anh	19/12/2007	7.0		
48	29016039	Hồ Đức Anh	16/11/2007	6.0		
49	02057833	Hồ Lý Hải Anh	22/06/2007	6.5		
50	04013275	Hồ Phước Anh	23/01/2007	8.0		1540
51	02046071	Hồ Quỳnh Anh	08/11/2007	7.5		
52	02011405	Hoàng Minh Anh	19/07/2007	6.5		
53	02046067	Hoàng Ngọc Anh	15/12/2007	6		
54	02016752	Hoàng Ngọc Lan Anh	05/03/2007	6.0		
55	02011407	Hoàng Ngọc Vân Anh	10/02/2007	7		
56	02046068	Hoàng Nguyễn Minh Anh	04/09/2007	7.5		1390
57	42000891	Hoàng Thị Quỳnh Anh	02/02/2007	7		
58	02024193	Huỳnh Lê Đức Anh	29/10/2007	6.5		
59	02011413	Lâm Quỳnh Anh	17/06/2007	8.0		1490
60	39009410	Lê Bảo Anh	11/09/2007	6.5		
61	44004321	Lê Duy Anh	17/07/2007	6		
62	02080841	Lê Hà Hồng Anh	29/04/2006	7.5		
63	48000859	Lê Lan Anh	05/03/2007	6.5		
64	02040071	Lê Nguyễn Hoàng Anh	30/08/2007	6		
65	02057836	Lê Nguyễn Hoàng Anh	02/11/2007	6.5		
66	02011419	Lê Như Anh	13/11/2007	6.0		
67	02012488	Lê Quỳnh Anh	03/10/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
68	02096544	Lê Quỳnh Anh	30/01/2007	6.0		
69	03017197	Lê Thị Tú Anh	27/10/2007	6.5		
70	02011422	Lữ Duy Anh	21/04/2007	7.5		1390
71	02057837	Lưu Ngọc Minh Anh	05/10/2007	7		
72	01081365	Mã Việt Anh	20/07/2007	7.5		1380
73	02004985	Nguyễn Đình Minh Anh	27/10/2007	6		
74	57001186	Nguyễn Hải Khánh Anh	04/12/2007	7.5		
75	02011427	Nguyễn Hoàng Anh	29/07/2007	6.5		
76	02046083	Nguyễn Hoàng Anh	26/11/2007	6.0		
77	29000052	Nguyễn Hoàng Anh	15/09/2007	6.5		
78	52004640	Nguyễn Hoàng Minh Anh	29/08/2007	6.5		
79	56005862	Nguyễn Hoàng Tú Anh	28/05/2007	6.5		
80	02002637	Nguyễn Hồng Anh	20/07/2007	7.0		
81	02032191	Nguyễn Huân Anh	10/09/2007	6.0		
82	01011572	Nguyễn Hương Anh	23/09/2007	6.5		
83	29024562	Nguyễn Hữu Hoàng Anh	27/06/2007	6.0		
84	02046088	Nguyễn Minh Anh	11/08/2007	6.5		
85	02046091	Nguyễn Ngọc Hà Anh	21/07/2007	7		
86	02055457	Nguyễn Ngọc Lan Anh	09/03/2007	7.0		
87	02004990	Nguyễn Ngọc Minh Anh	29/10/2007	7.0		
88	55004414	Nguyễn Ngọc Phương Anh	03/07/2007	6.5		
89	02096547	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	13/02/2007	6.5		
90	02091796	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	16/10/2007	6		
91	44004338	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	08/01/2007	7.0		
92	55011252	Nguyễn Nguyên Anh	09/12/2007	7.0		
93	01015385	Nguyễn Nhật Anh	07/08/2007	7.0		1470
94	02004993	Nguyễn Phạm Minh Anh	02/08/2007	7.5		
95	02046094	Nguyễn Phan Minh Anh	10/12/2007	7		
96	02096548	Nguyễn Phước Nguyệt Anh	19/12/2007	6.0		
97	02002642	Nguyễn Phương Anh	30/07/2007	7		
98	02011433	Nguyễn Thành Anh	16/03/2007	7.5		1490
99	52000028	Nguyễn Thị Ngọc Anh	12/07/2007	7.5		
100	02058168	Nguyễn Trần Minh Anh	12/01/2007	6.5		
101	02016761	Nguyễn Trần Tuấn Anh	12/12/2007	6		
102	48001507	Nguyễn Trọng Anh	12/11/2007	6.5		
103	02002648	Phạm Hải Anh	11/09/2007	7.5		1420
104	39009027	Phạm Hùng Đức Anh	19/04/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
105	02016762	Phạm Huỳnh Hoài Anh	23/02/2007	6.5		
106	17008169	Phạm Nguyễn Trâm Anh	15/03/2007	7.0		
107	02002650	Phạm Quỳnh Anh	01/02/2007	7.5		
108	02015439	Phạm Quỳnh Nhi Anh	11/09/2005	7		
109	02002652	Phan Huỳnh Minh Anh	01/10/2007	6.5		
110	02011438	Phan Trần Phương Anh	12/07/2007	7.0		1400
111	01098969	Tạ Thị Kiều Anh	26/11/2007	6.5		
112	02002654	Thời Lê Phương Anh	08/10/2007	7		
113	02011442	Tô Tuyết Anh	19/10/2007	7.5		
114	02052377	Trần Hồng Anh	04/03/2007	6.5		
115	02011445	Trần Hồng Đông Anh	20/07/2007	7.5		
116	02010329	Trần Ngọc Hoàng Anh	18/02/2007	6		
117	44004371	Trần Ngọc Phương Anh	10/01/2007	6.5		
118	02096552	Trần Nguyễn Ngọc Anh	30/01/2007	6		
119	42012708	Trần Tú Anh	18/09/2007	6.5		
120	02011448	Trần Tuệ Anh	26/06/2007	8		1520
121	02048423	Trịnh Hoàng Phương Anh	06/01/2007	6		
122	02011450	Trương Đào Quốc Anh	07/06/2007	7.0		1430
123	02002661	Trương Quế Anh	18/08/2007	7		1350
124	61000024	Uông Hoàng Minh Anh	22/12/2007	6.5		
125	46000021	Võ Đăng Anh	12/06/2007	6.0		
126	45002660	Võ Đức Anh	04/04/2007	7.0		
127	02020728	Võ Dương Phương Anh	25/08/2007	6.5		
128	02063668	Võ Ngọc Lan Anh	12/01/2007	6.5		
129	44004379	Vũ Hoàng Ngọc Anh	09/12/2007	6.5		
130	01064454	Vũ Nguyễn Trang Anh	07/05/2007	6.5		
131	01015403	Đỗ Ngọc Minh Ánh	21/03/2007	7.0		
132	28002141	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	30/07/2007	6.0		
133	02000054	Phạm Thị Hồng Ánh	23/07/2007	6.5		
134	44004435	Hoàng Xuân Bắc	06/07/2007	6.0		
135	02011461	Đặng Hoàng Bách	02/09/2007	7.5		1560
136	01019321	Đỗ Gia Bách	25/06/2007	8.0		
137	02005496	Hoàng Công Bách	14/09/2007	7		
138	02063677	Nguyễn Gia Bách	12/09/2007	7.0		
139	01019325	Nguyễn Xuân Bách	07/12/2007	7.0		
140	04010435	Phan Đình Bách	01/04/2007	6.5		
141	01015406	Trần Vũ Hoàng Bách	17/07/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
142	02096567	Đỗ Thanh Trí Bằng	04/05/2007	6		
143	40020105	Trương Nhật Bằng	26/05/2007	6.5		
144	02048425	Nguyễn Đình Bằng	29/05/2007	7		
145	02011463	Đào Minh Bảo	28/06/2007	7.0		1340
146	48002572	Đình Nguyên Bảo	24/07/2007	6		
147	02011464	Khưu Gia Bảo	07/06/2007	7		
148	44001085	Lê Trường Bảo	17/12/2007	6.5		
149	47004799	Lý Đặng Gia Bảo	09/05/2007	7.0		
150	02011466	Mai Thiên Bảo	15/08/2007	6.0		
151	44004407	Nguyễn Duy Bảo	07/03/2007	6.5		
152	02012518	Nguyễn Gia Bảo	24/08/2007	6.5		
153	02020737	Nguyễn Gia Bảo	31/01/2007	6		
154	37016559	Nguyễn Gia Bảo	04/01/2007	6.0		
155	42012724	Nguyễn Gia Bảo	10/01/2007	6.0		
156	02002676	Nguyễn Minh Quốc Bảo	14/06/2007	6		
157	02046131	Nguyễn Nguyên Bảo	01/06/2007	7.0		
158	02005504	Nguyễn Thế Hoàng Bảo	15/10/2007	7.5		
159	04010439	Phạm Gia Bảo	02/06/2007	7.0		
160	04010441	Phạm Nguyễn Gia Bảo	07/06/2007	6.5		
161	02016782	Trần Dương Thiên Bảo	22/07/2007	7		
162	02096566	Trần Gia Bảo	14/07/2007	7		
163	01019329	Trần Phạm Gia Bảo	27/03/2007	7.5		1560
164	02020742	Trần Phạm Gia Bảo	04/12/2007	7.0		
165	03024039	Trương Nguyễn Gia Bảo	19/08/2007	7.0		
166	02097745	Vũ Trần Anh Bảo	28/02/2006	6		
167	02096569	Đoàn Xuân Bình	23/04/2007	6		
168	02005509	Phan Nhã Bình	04/12/2007	7.0		
169	02048430	Tô Gia Bình	02/09/2007	6.0		
170	02011471	Trần Khánh Bình	08/11/2007	7.5		1390
171	02055501	Trần Ngọc Gia Bình	22/04/2007	6.5		
172	02016784	Trần Thế Bình	16/07/2007	6.5		
173	55011276	Trần Huỳnh Ngọc Các	08/02/2007	6.5		
174	14001337	Lò Phương Cẩm	20/09/2007	6.5		
175	02002686	Nguyễn Hoàng Nguyên Cát	09/01/2007	6.5		
176	02057858	Trần Minh Cát	05/05/2007	7.0		
177	02011473	Đình Ngọc Bảo Châu	01/12/2007	6.0		
178	02005513	Đỗ Nguyễn Minh Châu	01/04/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
179	27004023	Hoàng Minh Châu	15/08/2007	6.5		
180	02015478	Huang Long Châu	27/09/2005	8.5		
181	50007593	Lê Nguyễn Minh Châu	05/09/2007	7		
182	02046144	Lê Thành Vĩnh Châu	20/08/2007	7		
183	02046145	Lương Ngọc Bảo Châu	24/08/2007	6.5		
184	02000734	Ngụy Diệp Bảo Châu	17/06/2007	6.5		
185	63004709	Nguyễn Bảo Châu	24/11/2007	6.5		
186	02005515	Nguyễn Hà Minh Châu	23/01/2007	6.0		
187	01027595	Nguyễn Minh Châu	15/06/2007	6.5		
188	02002695	Nguyễn Ngọc Minh Châu	24/01/2007	7.0		
189	02055509	Nguyễn Trần Minh Châu	22/01/2007	7		
190	52000061	Phạm Minh Châu	07/09/2007	6.5		
191	02002697	Phan Nguyễn Ngọc Châu	18/08/2007	6.0		
192	02016165	Tăng Bảo Châu	09/12/2007	6.5		
193	02011475	Thân Trọng Minh Châu	02/04/2007	7.0		
194	51000814	Trần Quỳnh Châu	30/09/2006	6.5		
195	02048432	Võ Mai Bảo Châu	17/08/2007	7.5		
196	48003735	Võ Minh Châu	28/07/2007	7		1400
197	42000973	Lê Nguyễn Quỳnh Chi	20/04/2007	7.0		
198	02011478	Lương Khánh Chi	12/04/2007	6		
199	02011479	Lương Quỳnh Chi	08/09/2007	6.0		
200	36000034	Ngô Quế Chi	08/10/2007	6.5		
201	02057861	Ngô Tùng Chi	26/11/2007	7.0		
202	48003779	Nguyễn Đỗ Tùng Chi	25/10/2007	6.5		
203	04010458	Nguyễn Phan Quỳnh Chi	06/05/2007	6.5		
204	02057863	Trần Lâm Thảo Chi	04/11/2007	6.5		
205	33000111	Trương Nguyễn Bảo Chi	13/03/2007	7.5		
206	42000977	Trương Quỳnh Chi	16/07/2007	6.5		
207	02032234	Hồ Quyết Chiến	26/04/2007	7.5		
208	56010462	Nguyễn Ngọc Việt Chương	30/10/2007	7.5		
209	39009438	Nguyễn Tấn Nguyên Chương	13/12/2007	6.0		
210	02096577	Phạm Quốc Chương	18/01/2007	7.5		
211	02005521	Võ Minh Chương	09/07/2007	7.5		1430
212	31001647	Nguyễn Hùng Cường	25/06/2007	8.0		
213	37000058	Nguyễn Phú Cường	20/05/2007	6		
214	39009442	Nguyễn Thang Cường	27/10/2007	7.0		
215	02096582	Trần Tấn Cường	24/12/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
216	61000058	Võ Huy Cường	20/06/2007	6		
217	52000096	Đặng Quốc Đại	25/12/2007	7.0		
218	02002729	Dương Tạ Linh Đan	09/04/2007	7.0		
219	02005545	Hoàng Linh Đan	05/09/2007	6.5		
220	60000617	Trương Nguyên Đan	17/02/2007	6.0		
221	02011502	Dương Khải Đăng	19/09/2007	7.5		1410
222	47007764	Lê Khánh Đăng	06/03/2007	7.0		
223	37000083	Lê Minh Đăng	18/05/2007	6.5		
224	12003610	Nguyễn Hải Đăng	30/12/2005	7.5		
225	36000072	Nguyễn Hải Đăng	27/12/2007	7.0		
226	02046173	Nguyễn Hoàng Minh Đăng	10/12/2007	7.5		
227	02052495	Đỗ Nguyễn Thanh Danh	12/02/2007	6.5		
228	02016810	Phan Cao Danh	20/03/2007	7.0		
229	02091456	Nguyễn Ngọc Anh Đào	01/10/2007	6		
230	02011500	Bùi Phát Đạt	04/05/2007	6.5		
231	29003586	Đặng Tiến Đạt	25/05/2007	7.5		1510
232	02046165	Dương Trọng Đạt	09/02/2007	6		
233	02000120	Nguyễn Gia Đạt	31/05/2007	6.5		
234	36000517	Nguyễn Tấn Đạt	26/09/2007	6.5		
235	02091856	Nguyễn Tiến Đạt	12/10/2007	6		
236	41008852	Nguyễn Tuấn Đạt	09/03/2007	6.0		
237	47007759	Phạm Quang Đạt	28/08/2007	6.5		
238	02005549	Trần Gia Đạt	04/12/2007	7.0		
239	35003490	Trần Như Tấn Đạt	29/09/2007	6.0		
240	37000080	Trần Quý Đạt	27/06/2007	6		
241	02012592	Trương Minh Tuấn Đạt	19/10/2007	6		
242	56011000	Từ Phước Đạt	11/03/2007	6.5		
243	02046148	Trần Ngọc Diễm	23/04/2007	6.5		
244	51000824	Hồ Trần Trung Diễm	20/07/2007	6.0		
245	57001264	Hồ Khánh Điền	30/06/2007	7.0		
246	02035041	Lư Gia Điền	14/01/2006	7.0		
247	02002706	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	18/12/2007	6.5		
248	02000750	Phan Lê Bách Diệp	18/12/2007	6.5		
249	02002708	Trần Ngọc Diệp	23/12/2007	6.5		
250	02011505	Lê Bá Khánh Đoan	10/01/2007	6.5		
251	02091859	Trần Nhật Khánh Đoan	29/08/2007	6.5		
252	02080954	Ngô Khả Doanh	27/03/2007	7		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
253	02002710	Nguyễn Cát Hải Du	04/11/2007	6		
254	02048457	Đỗ Minh Đức	22/03/2007	7.0		
255	02057921	Lê Huy Đức	06/01/2007	6.5		
256	01027630	Lê Ngọc Đức	04/10/2006	6.5		
257	02091862	Lê Quang Anh Đức	19/12/2007	7		
258	02041291	Nguyễn Anh Đức	11/12/2007	7.0		
259	41008864	Nguyễn Anh Đức	16/10/2007	7.0		
260	04010496	Nguyễn Phúc Đức	31/08/2007	6.0		
261	01018825	Nguyễn Quý Đức	29/08/2007	6.5		
262	02091865	Nguyễn Sỹ Đức	15/05/2007	7.0		
263	52000112	Nguyễn Văn Đức	22/04/2007	7.0		
264	57001273	Tăng Phúc Đức	09/08/2007	6.0		
265	39009095	Trần Việt Đức	03/09/2006	6.5		
266	01003220	Võ Minh Đức	27/11/2007	8.0		
267	53009479	Vũ Nguyên Đức	10/07/2007	6.5		
268	02048462	Vũ Văn Đức	20/11/2007	6.5		
269	02080960	Trần Lê Ánh Dung	05/11/2007	6.0		
270	35003441	Đinh Trí Dũng	30/03/2007	7.0		
271	29003564	Hoàng Anh Dũng	04/04/2007	6.0		
272	02011488	Lê Hùng Dũng	01/01/2007	6.5		
273	52000086	Lương Anh Dũng	01/01/2007	7.0		
274	02096601	Nguyễn Anh Dũng	08/10/2007	6.5		
275	52000088	Nguyễn Tuấn Dũng	24/06/2007	6.0		
276	02055520	Phạm Minh Dũng	23/12/2007	7.0		
277	52007395	Trần Nguyễn Tấn Dũng	14/05/2007	6.5		
278	48004948	Võ Tiến Dũng	10/12/2007	7.5		
279	02011493	Hoàng Vũ Thùy Dương	23/03/2007	8.0		1500
280	50017401	Huỳnh Lê Hải Dương	15/12/2004	8		1350
281	02011494	Lê Nguyễn Thùy Dương	05/09/2007	7		1350
282	44004550	Nghiêm Trần Thùy Dương	15/05/2007	6		
283	02011495	Nguyễn Ánh Dương	07/05/2007	7		
284	57001246	Nguyễn Ngọc Khánh Dương	14/11/2007	6		
285	02096621	Nguyễn Phạm Thùy Dương	04/12/2007	7		
286	02011497	Nguyễn Võ Ánh Dương	25/03/2007	7.5		
287	42001024	Phạm Thái Dương	29/09/2007	7.0		
288	02091849	Phan Ánh Dương	03/03/2007	6.0		
289	02002727	Phan Thùy Dương	06/06/2007	8		1510

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
290	02046159	Trịnh Hoàng Dương	06/03/2007	7.0		
291	38003146	Cao Uyên Duy	06/12/2007	6		
292	04010475	Lê Hoàng Duy	03/04/2007	6.5		
293	02098165	Ngô Trần Bảo Duy	07/11/2006	6.5		
294	40020174	Nguyễn Duy	27/12/2007	6.0		
295	02005533	Nguyễn Đăng Duy	27/09/2007	7.5		
296	02005534	Nguyễn Khả Duy	21/09/2007	7.0		
297	02080969	Nguyễn Lê Duy	23/09/2007	6.0		
298	41008819	Nguyễn Minh Duy	09/09/2007	6.0		
299	04010477	Phan Nhật Duy	30/06/2007	6.5		
300	02096617	Võ Minh Duy	11/05/2007	7.0		
301	56010475	Nguyễn Trịnh Quang Duy	22/11/2007	6.5		
302	02096618	Lê Thị Hồng Duyên	09/05/2007	7		
303	48005322	Nguyễn Đăng Kỳ Duyên	22/10/2007	6.0		
304	52008680	Nguyễn Đình Ngọc Duyên	05/05/2007	7.5		
305	55007613	Nguyễn Hồng Kỳ Duyên	07/10/2007	7.0		
306	02057893	Tôn Nữ Mỹ Duyên	18/10/2007	6.5		
307	37000066	Võ Hồng Bích Duyên	28/03/2007	6.5		1360
308	02005554	Đặng Trường Giang	07/11/2007	7.0		
309	29009208	Hồ Thảo An Giang	01/09/2007	6.0		
310	01019373	Hoàng Hương Giang	18/09/2007	8.0		1540
311	42005550	Nguyễn Ngô Trà Giang	28/09/2007	6.0		
312	02063740	Nguyễn Thị Thu Giang	14/06/2007	6.5		
313	02002740	Trần Nguyễn Trường Giang	17/02/2007	6.0		
314	02096644	Vũ Hương Giang	26/01/2007	7		
315	44004601	Hồ Nguyễn Huỳnh Giao	31/08/2007	6.5		
316	02046180	Phan Văn Giàu	27/03/2007	6.5		
317	02002741	Lê Trần Hoàng Hà	30/08/2007	7		
318	52000124	Nguyễn Duyên Hà	22/08/2007	6.5		
319	02011515	Nguyễn Ngọc Khánh Hà	31/10/2007	6.5		
320	02011516	Nguyễn Nhật Hà	20/09/2007	7		
321	48007399	Nguyễn Thị Hoàng Hà	27/11/2007	6.0		
322	38001339	Nguyễn Thị Ngọc Hà	03/04/2007	6.5		
323	42012807	Nguyễn Thị Ngọc Hà	25/04/2007	6.0		
324	38000161	Nguyễn Thị Nhật Hà	16/01/2007	6.5		
325	42001090	Nguyễn Trịnh Việt Hà	28/08/2007	6.5		
326	02046184	Phan Lưu Thanh Hà	29/05/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
327	02046185	Phan Nguyễn Thanh Hà	17/08/2007	7		
328	48007487	Trần Thúy Hà	04/04/2007	7.5		
329	02048466	Vũ Nam Hà	09/12/2007	6.0		
330	02060356	Lại Lê Quang Hải	20/07/2007	6.5		
331	02011519	Lâm Nghị Hải	25/04/2007			1430
332	02057937	Lê Hoàng Hải	22/07/2007	7.5		
333	02096648	Lê Thanh Hải	11/12/2007	7.5		
334	02055552	Nguyễn Hoàng Hải	01/08/2007	6.5		
335	04013333	Phan Trí Hải	24/04/2007	8		1530
336	52008731	Trần Nam Hải	30/01/2007	6.5		1520
337	02011520	Vương Hiền Nguyên Hải	10/08/2007	7		1350
338	42001113	Dương Hoàng Bảo Hân	04/09/2007	6.0		
339	02096652	Dương Ngọc Hân	28/02/2007	6		
340	44004635	Hứa Ngọc Hân	18/07/2007	6.5		
341	40020259	Huỳnh Minh Hân	18/11/2007	6.5		
342	37001475	Huỳnh Nguyễn Ngọc Hân	15/01/2007	6.0		
343	57001288	Lâm Ngọc Hân	31/10/2007	7.5		
344	02057949	Lê Ngọc Bảo Hân	17/09/2007	6.5		
345	04013340	Lê Nguyễn Gia Hân	09/11/2007	7.0		
346	02002760	Lê Nguyễn Ngọc Hân	17/01/2007	6.0		
347	02051636	Lê Thị Ngọc Hân	31/03/2007	6.0		
348	02016208	Lương Gia Hân	10/09/2007	7.0		
349	02011528	Lương Khả Hân	20/02/2007	6		
350	02000151	Lý Gia Hân	24/08/2007	6.5		
351	48008294	Ngô Gia Hân	06/08/2007	7.0		
352	40020264	Nguyễn Gia Hân	29/01/2007	7.5		
353	46000155	Nguyễn Ngọc Gia Hân	25/03/2006	7		
354	02011531	Nguyễn Ngọc Minh Hân	27/04/2007	8		
355	41007685	Nguyễn Ngọc Xuân Hân	28/03/2007	6.5		
356	38000180	Nguyễn Nguyên Gia Hân	13/02/2007	6.5		
357	53008108	Nguyễn Tấn Gia Hân	18/06/2007	6.5		
358	37000111	Nguyễn Thái Gia Hân	09/12/2007	6.0		
359	53010104	Nguyễn Thị Mỹ Hân	20/12/2007	6.0		
360	02046202	Nguyễn Thị Ngọc Hân	18/05/2007	6.0		
361	02000154	Nguyễn Trần Gia Hân	21/06/2007	6.5		
362	55011342	Nguyễn Trần Gia Hân	24/04/2007	8.0		
363	02016217	Phạm Gia Hân	21/11/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
364	56004679	Phạm Huỳnh Gia Hân	26/10/2007	6.5		
365	02011534	Phạm Ý Hân	07/03/2007	7.5		
366	59000622	Quách Trần Khả Hân	15/02/2007	6.5		
367	02091886	Trần Gia Hân	02/06/2007	6.0		
368	53009505	Trương Gia Hân	16/09/2007	7.0		
369	02005577	Võ Gia Hân	20/12/2007	6.5		
370	02011536	Võ Lê Gia Hân	22/01/2007	7.0		1490
371	02057953	Vương Ngọc Hân	18/08/2007	6.0		
372	48007984	Đỗ Thị Thanh Hằng	17/09/2007	6.5		
373	35003531	Lê Diễm Hằng	23/09/2007	6.5		
374	50007670	Võ Nguyễn Phước Hằng	24/11/2007	7		
375	02048471	Trần Nguyên Hanh	16/11/2007	6.0		
376	02081008	Huỳnh Thị Hiếu Hạnh	30/01/2007	7.0		
377	02070133	Nguyễn Trần Bửu Hạnh	20/09/2007	7.0		
378	41008887	Nguyễn Anh Hào	03/08/2007	6.0		
379	39009472	Nguyễn Nhật Hào	03/12/2007	6.0		
380	42001105	Nguyễn Nhật Hào	29/04/2007	6.5		
381	02096650	Võ Phú Hào	16/12/2007	6		
382	02061876	Võ Quang Hào	27/09/2007	7.0		
383	02002770	Tăng Trí Hiến	04/08/2007	6		
384	53004075	Lê Nguyễn Thanh Hiền	27/12/2007	6.5		
385	37000117	Nguyễn Thu Hiền	22/04/2007	7.0		1520
386	02024321	Nguyễn Tấn Duy Hiền	21/03/2007	6		
387	41008916	Trần Bá Hiền	27/01/2007	7.0		
388	02057958	Võ Nguyễn Minh Hiền	27/02/2007	7		1420
389	02000164	Huỳnh Châu Bách Hiệp	15/03/2006	7		
390	29003634	Phạm Hoàng Hiệp	11/06/2007	6.5		
391	44004667	Huỳnh Trung Hiếu	26/02/2007	6		
392	40019544	Lê Minh Hiếu	08/09/2007	7.0		
393	02002772	Lê Quốc Hiếu	03/08/2007	6		
394	02002773	Lê Thanh Hiếu	22/11/2007	6		
395	02010402	Nguyễn Công Hiếu	22/05/2007	7.0		
396	52000144	Nguyễn Minh Hiếu	03/05/2007	6.0		
397	55011352	Nguyễn Trần Trung Hiếu	09/07/2007	6.5		
398	02011539	Ninh Duy Hiếu	01/03/2007	7		
399	02011540	Phạm Bá Hiếu	16/03/2007	6.0		
400	53010887	Phạm Thị Kim Hiếu	30/11/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
401	42000214	Phan Trung Hiếu	15/10/2007	6.0		
402	01000143	Trần Minh Hiếu	05/11/2007	6.5		
403	29000385	Trương Xuân Minh Hiếu	27/08/2007	6.5		
404	02097801	Phạm Đình Trần Hiệu	08/10/2005	6.5		
405	35000099	Vương Quốc Hiệu	20/02/2006	6.0		
406	02000820	Nguyễn Huỳnh Hoa	10/01/2007	7		
407	29000390	Nguyễn Khánh Hòa	19/06/2007	7.0		
408	02081034	Đặng Phúc Kim Hoàn	02/10/2007	7.5		
409	52004756	Đình Phú Hoàng	17/01/2007	7.5		
410	52002495	Đỗ Minh Hoàng	30/06/2007	6.0		
411	02005587	Đồng Minh Hoàng	10/02/2007	6		
412	02011545	Lê Hoàng	09/08/2007	8		1470
413	44001244	Nguyễn Hữu Hoàng	18/03/2007	7.5		
414	02057966	Nguyễn Huy Hoàng	24/09/2007	6.5		
415	53009518	Nguyễn Huy Hoàng	26/03/2007	6.5		
416	51000912	Nguyễn Văn Thái Hoàng	23/02/2007	7.5		
417	47000261	Tô Quốc Hoàng	04/01/2007	6.5		
418	40022243	Trần Huy Hoàng	25/10/2006	6.0		
419	30005401	Trần Nhật Hoàng	16/01/2007	6.5		
420	37000138	Võ Bá Hoàng	12/07/2005	6		
421	02081042	Vũ Hoàng	23/09/2006	7		
422	48010117	Vũ Gia Hoàng	14/08/2007	7.0		
423	53009519	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	01/10/2007	7		
424	02096671	Dương Gia Huân	17/05/2007	7		
425	02011549	Dương Nhật Huân	17/04/2007	8		1580
426	01019635	Dương Quốc Hùng	31/10/2007	6.5		
427	44004707	Lê Minh Hùng	26/02/2007	6		
428	04013361	Lê Quốc Hùng	08/07/2007	7.0		
429	44004708	Nguyễn Khắc Hùng	21/03/2007	6		
430	02011554	Nguyễn Vũ Duy Hùng	12/06/2007	8		1550
431	04010543	Phan Thanh Hùng	24/11/2007	7.0		
432	02011555	Trương Anh Hùng	19/04/2007	7		
433	01027675	Bạch Huy Hưng	28/04/2007	7.0		
434	46000221	Đỗ Đặng Gia Hưng	16/07/2007	6.0		
435	02011569	Dương Quốc Hưng	11/07/2007	7		1350
436	61000166	Lê Chánh Hưng	22/04/2007	7.0		
437	02011570	Mạch Đình Quốc Hưng	19/07/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
438	02046912	Nguyễn Duy Hưng	09/08/2007	7.0		
439	37000159	Nguyễn Gia Hưng	10/10/2007	6.0		
440	04010563	Nguyễn Khánh Hưng	21/03/2007	6.0		
441	48011686	Nguyễn Phú Hưng	13/02/2007	7.0		
442	64002089	Nguyễn Phúc Hưng	03/06/2007	6.5		
443	02046913	Nguyễn Tấn Hưng	10/06/2007	6.0		
444	44004745	Phạm Khánh Hưng	01/12/2007	6.5		
445	51000939	Trần Phạm Gia Hưng	21/11/2007	6.5		
446	02002797	Trương Duy Hưng	03/01/2007	6		
447	02055032	Bùi Lan Hương	23/10/2007	6.0		
448	02011573	Dương Văn Hương	09/05/2007	7.0		
449	02096714	Hà Phan Quỳnh Hương	28/01/2007	6.5		
450	02011574	Hà Quỳnh Hương	01/03/2007	7.5		
451	02011575	Hà Xuân Hương	04/03/2007	7.0		
452	02096716	Lê Minh Hương	06/09/2007	6		
453	48011934	Nguyễn Mai Hương	15/08/2007	6.0		
454	02055615	Nguyễn Minh Giáng Hương	20/06/2007	6		
455	02081066	Nguyễn Ngọc Quỳnh Hương	26/08/2006	6.0		
456	47000297	Nguyễn Quỳnh Hương	07/04/2006	6.0		
457	02046916	Nguyễn Thảo Quỳnh Hương	23/02/2007	6.5		
458	02002802	Phạm Quỳnh Hương	23/08/2007	7.0		
459	04010564	Nguyễn Việt Hữu	10/11/2007	6.5		
460	55007694	Bùi Quang Huy	11/05/2007	7.0		
461	56008692	Cao Nhật Huy	21/10/2007	7.5		
462	02081048	Đặng Văn Huy	07/06/2005			1350
463	02046903	Đỗ Quang Huy	10/11/2007	7		1430
464	35003587	Đoàn Tú Huy	03/01/2007	7.5		
465	02036125	Hồ Quốc Huy	29/09/2007	7.0		
466	40020348	Hoàng Đình Huy	08/08/2007	7.5		
467	02067483	Huỳnh Đức Huy	30/08/2007	6.5		
468	28011188	Lê Đức Huy	15/11/2007	6.5		
469	61000144	Lê Gia Huy	17/10/2007	6.5		
470	02002785	Lê Minh Huy	23/12/2007	7.0		
471	02070181	Lê Nguyễn Anh Huy	27/02/2007	6		
472	41008970	Lê Nguyễn Tuấn Huy	26/03/2007	7.5		
473	38004086	Mai Phạm Gia Huy	31/03/2007	6.5		
474	01003277	Ngô Đức Huy	21/12/2007	8.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
475	02096679	Nguyễn An Huy	29/07/2007	7		
476	02002787	Nguyễn Dương Đăng Huy	03/01/2007	6.5		
477	40020362	Nguyễn Hoàng Bảo Huy	19/02/2007	7.0		
478	37000153	Nguyễn Hoàng Gia Huy	08/07/2007	7.5		
479	02057983	Nguyễn Minh Huy	07/09/2007	6.5		
480	32001119	Nguyễn Minh Huy	12/05/2007	6		
481	57001327	Nguyễn Quang Huy	08/02/2007	6.0		
482	04002373	Nguyễn Trần Quang Huy	05/06/2006	6.0		
483	48011040	Nguyễn Trần Quang Huy	18/01/2007	7.5		
484	48011102	Phạm Quốc Huy	18/03/2007	6		
485	02002789	Phạm Trần Gia Huy	21/08/2007	6.5		
486	04013365	Phan Đức Huy	01/08/2007	7.5		
487	59000113	Quách Gia Huy	28/04/2007	6.5		
488	44001264	Tổng Gia Huy	17/11/2007	6.5		
489	51000928	Trần Lê Xuân Huy	28/05/2007	6.0		
490	02046911	Trần Mai Quốc Huy	12/11/2007	7.0		
491	02005604	Võ Phước Đức Huy	07/12/2007	6.5		
492	56010543	Võ Tường Huy	14/11/2007	6.5		
493	02057993	Vòng Thế Huy	27/03/2007	6.5		
494	01027673	Vũ Nam Huy	25/11/2007	7.5		
495	02020847	Đình Đức Huyền	23/05/2007	7.5		1500
496	02000196	Lê Hoàng Nhật Huyền	09/11/2007	6.0		
497	02096695	Lê Uyên Huyền	07/01/2007	6.0		
498	02011566	Nguyễn Trần Minh Huyền	06/03/2007	7.0		
499	63000645	Đặng Thái Huyền	05/06/2007	7.0		
500	03024166	Đoàn Ngọc Huyền	12/10/2007	7.0		
501	41007732	Nguyễn Lê Khánh Huyền	14/10/2007	6.5		
502	02002793	Nguyễn Ngọc Khánh Huyền	28/03/2007	7.5		
503	52000173	Nguyễn Phan Thương Huyền	18/01/2007	7.5		
504	53009534	Nguyễn Huỳnh	12/10/2007	6.0		
505	02002794	Nguyễn Phúc Huỳnh	28/03/2007	6.5		
506	02011568	Trần Nguyễn Mai Huỳnh	09/12/2007	7		
507	02000205	Nguyễn Đoàn Gia Hy	02/12/2007	7		
508	02005616	Phạm Gia Hy	29/09/2007	6.5		
509	02011577	Trương Nhật Bảo Hy	21/12/2007	7.5		1530
510	02092008	Nguyễn Minh Kha	18/09/2007	6.5		
511	47007846	Nguyễn Quang Khải	24/07/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
512	04002397	Phạm Huy Khải	08/11/2007	6.0		
513	52000189	Phạm Tuấn Khải	05/10/2007	6.0		
514	02002807	Trần Quốc Khải	21/05/2007	7		
515	49007272	Đặng Nguyên Khang	18/09/2007	6		
516	53008178	Đào Bảo Minh Khang	28/12/2007	6.5		
517	02002808	Diệp Quốc Khang	24/01/2007	7		
518	48012227	Đình Bá Bảo Khang	19/11/2007	6.0		
519	02032869	Hồ Minh Khang	31/08/2007	6.5		
520	02092012	Hoàng Minh Khang	19/11/2007	6.5		
521	02096722	Huỳnh Thế Gia Khang	04/10/2007	6		
522	02016369	Huỳnh Triều Khang	03/06/2007	6.5		
523	02016371	Kim Hoàng Khang	28/03/2007	7.0		
524	53010173	Lê Nhật Khang	25/02/2007	6.5		
525	02058009	Mai Phúc Khang	01/08/2007	7.5		
526	02011583	Ngô Bảo Khang	10/04/2007	6.5		
527	02011584	Nguyễn Khang	07/05/2007	7.0		
528	37000772	Nguyễn Khang	07/05/2007	6.0		
529	44004772	Nguyễn Hữu Bảo Khang	13/10/2007	6.5		
530	02011585	Nguyễn Minh Khang	13/02/2007	7.0		
531	02058012	Nguyễn Ngọc Nguyên Khang	06/03/2007	7		
532	02058013	Nguyễn Phúc Khang	23/01/2007	6.0		
533	02011587	Nguyễn Phúc An Khang	06/06/2007	8.0		1420
534	02011588	Phạm Triều Khang	02/10/2007	8		1570
535	02011589	Phan Nhật Khang	24/02/2007	7.0		
536	02020860	Phan Vĩnh Khang	18/12/2007	8		1520
537	02011590	Trần Lâm Bảo Khang	07/01/2007	6.5		
538	04010569	Bùi Mai Hồng Khanh	17/11/2007	7		
539	48012547	Bùi Thị Ngọc Khanh	25/03/2007	6.0		
540	02058016	Đình Ngọc Đan Khanh	09/01/2007	6.0		
541	54003030	Hồ Phương Khanh	25/11/2007	6.0		
542	02015640	Lê Ngọc Bảo Khanh	01/07/2002	6.5		1470
543	02046235	Nguyễn Minh Khanh	18/01/2007	6.5		
544	02011597	Phan Mai Khanh	10/11/2007	8		1410
545	02041599	Đoàn Vinh Khánh	18/02/2007	7.5		1420
546	44004783	Lâm Ngọc Khánh	05/11/2007	6.0		
547	02020867	Lê Nam Khánh	01/06/2007	7.5		
548	04001963	Lý Kim Khánh	04/06/2006	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
549	04010575	Nguyễn Ngọc Gia Khánh	02/07/2007	6.5		
550	42008598	Nguyễn Phan Nhật Khánh	11/01/2007	6.0		
551	44004789	Phạm Nhật Khánh	26/07/2007	7.5		
552	44001290	Huỳnh Gia Khiêm	29/04/2007	8.5		1450
553	02011601	Nguyễn Tường Minh Khiêm	01/03/2007	7		
554	44004792	Đoàn Tấn Khoa	18/07/2007	6		
555	44004794	Hà Nguyễn Minh Khoa	22/02/2007	7		
556	47007869	Lại Ngọc Minh Khoa	19/01/2007	6.0		
557	02015651	Lê Bảo Đăng Khoa	15/02/2006	6.5		1370
558	02002833	Nguyễn Đăng Khoa	25/01/2007	7.5		
559	02096735	Nguyễn Lê Minh Khoa	03/09/2007	6.5		
560	02011605	Nguyễn Minh Khoa	24/12/2007	7.0		1440
561	53008207	Trần Anh Khoa	18/08/2007	6.0		
562	02011606	Trần Bảo Đăng Khoa	20/10/2007	7		
563	02055662	Trần Hữu Khoa	22/09/2007	6.5		
564	57001372	Trần Nhật Khoa	06/11/2007	7.5		
565	02010471	Trần Võ Đăng Khoa	20/02/2007	8		1510
566	52000201	Võ Đăng Khoa	06/07/2007	6.5		
567	02011608	Bùi Nguyễn Minh Khôi	20/04/2007	6		
568	02096743	Đặng Đào Thanh Khôi	29/01/2007	8		1460
569	44004797	Huỳnh Đăng Khôi	25/08/2007	7.5		
570	02002843	Lê Anh Khôi	21/12/2007	6		
571	30010702	Lê Công Khôi	19/12/2007	6.5		
572	02096748	Lê Duy Khôi	11/01/2007	6.5		
573	02005653	Lê Tự Nguyên Khôi	23/04/2007	7.0		
574	02046941	Nguyễn Đăng Khôi	25/11/2007	8.0		
575	02012737	Nguyễn Đình Khôi	09/12/2007	6.5		
576	02011612	Nguyễn Đức Bảo Khôi	07/10/2007	8.5		1560
577	02011611	Nguyễn Duy Bảo Khôi	14/10/2007	7		
578	47003898	Nguyễn Hoàng Đăng Khôi	08/05/2007	6.0		
579	02005655	Nguyễn Minh Khôi	24/11/2007	6.0		
580	02046942	Nguyễn Minh Khôi	06/09/2007	6.5		
581	39006650	Nguyễn Minh Khôi	08/01/2007	7.5		
582	35003669	Nguyễn Trần Bảo Khôi	09/03/2007	6.0		
583	02097852	Phạm Đăng Khôi	07/10/2006	6.0		
584	41007773	Phạm Hoàng Đăng Khôi	19/08/2007	6.5		
585	02011614	Phan Lê Minh Khôi	27/04/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
586	02011615	Phan Minh Khôi	13/05/2007	8		1520
587	02081094	Trần Duy Anh Khôi	26/08/2007	6.5		
588	02092034	Trương Đăng Khôi	06/11/2007	6.5		
589	02035187	Võ Hoàng Khôi	17/05/2006	7		
590	02096760	Đặng Minh Khuê	29/09/2007	7.5		
591	02055670	Dương Minh Khuê	29/12/2007	6		
592	02081096	Ngô Xuân Thụy Khuê	01/07/2006	6.5		
593	02011617	Nguyễn Kim Khuê	16/11/2007	7		1360
594	55011409	Nguyễn Lê Minh Khuê	22/11/2007	6.0		
595	02010905	Nguyễn Lưu Khuê	20/05/2007	8.0		1380
596	04010592	Nguyễn Ngọc Minh Khuê	21/05/2007	6.5		
597	02097853	Phạm Bích Khuê	01/01/2006	7.5		
598	04013399	Phạm Như Khuê	16/11/2007	7.5		1440
599	02058038	Trần Ngọc Minh Khuê	10/04/2007	7.0		
600	02096761	Trần Ngọc Minh Khuê	26/10/2007	6.0		
601	02058039	Trương Minh Khuê	17/08/2007	7.5		
602	40020466	Lê Văn Khương	09/08/2007	7.0		
603	54003056	Trương Phúc Khương	01/01/2007	7.0		
604	02005665	Nguyễn Nam Kiên	06/06/2007	7.0		
605	02002852	Tổng Trí Kiên	09/06/2007	6.5		
606	38003269	Trần Hoàng Kiên	17/02/2007	6.5		
607	37000197	Đặng Gia Kiệt	04/01/2007	7.0		
608	42009788	Lê Quang Tuấn Kiệt	10/03/2007	6.5		
609	41007782	Lê Tuấn Kiệt	05/07/2007	6.0		
610	57001385	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	31/03/2007	6.0		
611	04010598	Phạm Anh Kiệt	09/09/2007	6.0		
612	02063844	Trần Tuấn Kiệt	15/04/2007	7.0		
613	50013421	Võ Anh Kiệt	19/05/2007	6.5		
614	02035196	Võ Tuấn Kiệt	23/06/2006	6.5		1370
615	44004803	Đỗ Châu Thiên Kim	07/09/2007	6.0		
616	02010910	Mai Trần Phương Kim	20/10/2007	7.0		
617	44004805	Nguyễn Hoàng Kim	25/08/2007	6		
618	02096774	Nguyễn Ngọc Thiên Kim	20/04/2007	7		
619	02010911	Trần Ngọc Thiên Kim	03/06/2007	6		
620	02096777	Ngô Vĩ Kỳ	26/07/2007	6.5		
621	53009588	Phan Mỹ Kỳ	08/03/2007	7.0		
622	02044460	Trần Khả Kỳ	05/05/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
623	02035767	Trần Minh Kỳ	31/07/2006	6.5		
624	02020901	Hồng Khương Nhật Lam	06/08/2007	6.0		
625	02005677	Lê Trương Nhật Lam	18/10/2007	6.5		
626	02046264	Ngô Hồng Lam	13/07/2007	6.0		
627	02096782	Nguyễn Hoài Trúc Lam	08/02/2007	6.5		
628	02003986	Nguyễn Phúc Hải Lam	01/05/2007	6.0		
629	02051115	Phan Thiên Lam	11/12/2007	6.0		
630	04013406	Bùi Thanh Lâm	06/02/2007	7.0		
631	01019476	Nguyễn Ngọc Lâm	11/11/2007	8.0		
632	48014435	Nguyễn Sơn Lâm	02/12/2007	6.5		
633	02064400	Phạm Bảo Lâm	09/11/2007	6		
634	42001279	Nguyễn Hương Lan	22/12/2007	6		
635	02092041	Nguyễn Trần Hoàng Lan	12/02/2007	7.5		
636	02051697	Phạm Ngọc Lan	14/09/2007	6.0		
637	50005931	Võ Xuân Lan	30/08/2007	7.0		
638	02055691	Chu Thế Lâm	14/03/2007	7.5		
639	02010924	Nguyễn Hoàng Lâm	26/09/2007	7.0		1390
640	41005860	Trần Bá Lâm	16/07/2007	7.0		
641	02005680	Nguyễn Ngọc Pha Lê	01/11/2007	6.5		
642	02058057	Trần Hoàng Thanh Liêm	26/05/2007	6.0		
643	02096141	Lê Nguyễn Hoàng Liên	10/06/2007	8.0		
644	01064580	Đặng Phương Linh	09/12/2007	8		
645	29003698	Đậu Ngọc Linh	18/01/2007	6.5		
646	02048635	Điệp Vũ Như Linh	26/03/2007	6		
647	02040362	Đỗ Ngọc Tường Linh	17/11/2007	6.0		
648	02002864	Hồ Ngọc Thúy Linh	16/01/2007	6.5		
649	38000313	Hồ Vũ Việt Linh	09/02/2007	6.5		
650	02005681	Huỳnh Lê Phương Linh	14/06/2007	6.0		
651	44004810	Huỳnh Trần Mai Linh	13/08/2007	6		
652	02020910	Huỳnh Võ Khánh Linh	13/04/2007	6.5		
653	35003702	Lê Nữ Phương Linh	22/01/2007	6.5		
654	02070242	Lê Thị Khánh Linh	03/06/2007	7.0		
655	44004811	Lê Thị Phương Linh	04/09/2007	7.5		
656	52000911	Lê Võ Ngọc Linh	25/01/2007	6.5		
657	61000247	Lý Nguyễn Tú Linh	09/10/2007	6.5		
658	02002868	Mai Xuân Cát Linh	05/11/2007	7.5		
659	02058067	Nguyễn Bùi Phương Linh	10/02/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
660	02012781	Nguyễn Hà Trúc Linh	19/07/2007	6.0		
661	32002989	Nguyễn Hoàng Kiều Linh	21/04/2007	6.0		
662	37000126	Nguyễn Hoàng Phương Linh	15/06/2007	6.5		
663	50007811	Nguyễn Khánh Linh	29/04/2007			1340
664	52004172	Nguyễn Khánh Linh	21/05/2007	6.5		
665	02046280	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/05/2007	6.5		
666	37000217	Nguyễn Ngọc Mai Linh	20/08/2007	6.0		
667	02046283	Nguyễn Vũ Diệu Linh	12/07/2007			1380
668	21014661	Phạm Khánh Linh	30/11/2007	7.0		
669	02064409	Phạm Trần Khánh Linh	26/03/2007	6.5		
670	44004816	Phạm Vũ Khánh Linh	31/05/2007	7.0		
671	02092054	Phan Trần Tích Linh	22/02/2007	7.5		
672	48015304	Tăng Huyền Bảo Linh	02/11/2007	6.5		
673	52000233	Tống Phương Linh	12/08/2007	6.5		
674	02016960	Trần Khánh Linh	24/12/2007	6.0		
675	02055102	Trần Mai Phương Linh	03/12/2007	6.5		
676	02092055	Trần Ngọc Linh	06/11/2007	7.5		
677	52004855	Trần Phạm Thảo Linh	30/11/2007	6.5		
678	02011656	Trần Thùy Linh	23/01/2007	7		
679	38003720	Đặng Hoàng Tiên Lộc	09/07/2007	6.0		
680	41007807	Nguyễn Đức Bá Lộc	30/03/2007	7.5		
681	02046300	Nguyễn Nguyên Lộc	01/11/2007	6.0		
682	51006790	Nguyễn Phước Lộc	01/06/2007	7.0		
683	02011666	Nguyễn Tiến Lộc	31/01/2007	7.5		1470
684	02002883	Nguyễn Trần Thiên Lộc	13/01/2007	7.0		
685	39009551	Nguyễn Vũ Đình Lộc	16/05/2007	6.0		
686	29024884	Nguyễn Xuân Lộc	06/03/2007	6.0		
687	02096819	Phạm Đỗ Thiên Lộc	04/01/2007	7.0		
688	02016963	Bùi Văn Gia Long	13/02/2007	6.0		
689	02016453	Châu Hiền Long	18/11/2007	6.5		
690	02096810	Dương Chí Long	29/11/2007	7.5		
691	02000261	Lê Hoàng Long	10/02/1998	7.5		
692	02046293	Lý Hiền Long	15/06/2007	6.5		
693	02055703	Ngô Văn Long	21/11/2007	6		
694	02013332	Nguyễn Hiền Long	28/04/2007	7		
695	44004825	Nguyễn Hoàng Long	09/02/2007	6.5		
696	45002870	Nguyễn Việt Long	08/07/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
697	02002879	Phạm Minh Long	05/04/2007	7.0		
698	02096824	Bùi Minh Luân	14/05/2007	6.5		
699	39009553	Dương Văn Thành Luân	11/12/2007	8.0		
700	02011671	Ngô Kiệt Luân	09/08/2007	7		
701	02005694	Phạm Đình Luân	27/07/2007	6.5		
702	57001412	Lê Gia Lực	16/07/2007	7.0		
703	37000241	Nguyễn Hoàng Lưu Ly	20/01/2007	6.5		
704	03010121	Đặng Thanh Mai	20/01/2007	7.0		
705	02005183	Lê Trần Xuân Mai	27/11/2007	7.0		
706	02011679	Nguyễn Hoàng Như Mai	25/06/2007	6.0		
707	02058097	Nguyễn Ngọc Mai	30/01/2007	6.5		
708	55007827	Nguyễn Phương Mai	25/09/2007	7.5		
709	02011680	Nguyễn Quỳnh Mai	01/09/2007	7.5		1390
710	02096837	Nguyễn Thị Xuân Mai	27/04/2007	6.5		
711	02046312	Nguyễn Trần Vũ Thanh Mai	07/07/2007	6.5		
712	02011682	Phan Ngô Quỳnh Mai	24/02/2007	6.5		
713	02011683	Trần Ngọc Như Mai	25/04/2007	6.0		
714	04004784	Trần Thụy Xuân Mai	03/10/2007	6.5		
715	42001341	Trần Xuân Mai	20/09/2007	7.5		1480
716	04013433	Lương Nhĩ Mân	25/09/2007	8.0		
717	47007916	Nguyễn Vũ Triệu Mẫn	24/01/2007	6.0		
718	02011689	Phạm Tú Mẫn	16/02/2007	7.5		1530
719	02040397	Biện Thị Phương Mí	05/12/2007	7.5		
720	52004205	Bùi Công Minh	26/07/2007	6.5		
721	01027720	Cao Hoàng Minh	29/12/2007	8.0		
722	55011439	Châu Ngọc Khánh Minh	20/10/2007	7		
723	02006167	Châu Tự Minh	25/12/2007	6.0		
724	41007818	Đinh Quyết Minh	07/12/2007	6.5		
725	53009619	Đỗ Cao Minh	27/04/2007	6.5		
726	02097892	Đỗ Công Nhật Minh	18/11/2006	7		1380
727	01019587	Hà Bảo Minh	23/11/2007	8		1520
728	02006168	Hà Lê Minh	05/12/2007	6.5		
729	01027723	Hoàng Bình Minh	31/12/2007	7.0		
730	01019588	Hoàng Nhật Minh	19/10/2007	8		1510
731	02015718	Huỳnh Ngọc Quang Minh	29/06/2006	6.5		
732	02011694	Lê Quang Tiến Minh	11/10/2007	8.0		1340
733	02096853	Lê Thiện Minh	20/11/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
734	17015963	Ngô Thị Thu Minh	05/05/2007	6.5		
735	01027731	Nguyễn Đức Minh	09/01/2007	6.5		
736	42013507	Nguyễn Gia Minh	27/11/2007	7.0		
737	02081162	Nguyễn Hoàng Phúc Minh	03/02/2007	7.0		
738	43001632	Nguyễn Hữu Minh	26/02/2007	6.0		
739	02011705	Nguyễn Khả Minh	22/12/2007	6.0		
740	50007835	Nguyễn Ngọc Minh	23/08/2007	6.5		
741	02015722	Nguyễn Nhật Minh	02/06/2006	8.0		1470
742	02016502	Nguyễn Nhật Minh	29/05/2007	6.0		
743	51008990	Nguyễn Phú Duy Minh	15/08/2007	7.0		
744	01027306	Nguyễn Quang Minh	21/05/2006	7.0		
745	01033029	Nguyễn Quang Tuấn Minh	27/01/2007	7.5		
746	44004832	Nguyễn Thị Hồng Minh	13/11/2007	7.5		
747	53008274	Nguyễn Thoại Bảo Minh	28/06/2007	6.0		
748	02011709	Nguyễn Trần Gia Minh	11/11/2007	6.5		
749	03024264	Nguyễn Trần Hồng Minh	14/02/2007	6.5		1450
750	28034230	Phạm Hùng Quang Minh	24/08/2007	6		
751	02002910	Phạm Nhật Minh	07/11/2007	7.5		1450
752	02010947	Phạm Thái Tuệ Minh	21/04/2007	6		
753	34013562	Phan Thị Ngọc Minh	11/04/2007	7.0		1510
754	02016505	Phan Uyên Minh	22/10/2007	6.5		
755	55007851	Phan Võ Quang Minh	22/06/2007	7		
756	01066364	Phùng Kiến Minh	26/12/2007	7.5		
757	02048685	Tạ Hồng Minh	08/03/2007	6		
758	01027742	Trần Bùi Quang Minh	17/09/2007	6.5		
759	02096868	Trần Thị Nguyệt Minh	31/01/2007	7		
760	02010952	Trương Nguyệt Minh	12/04/2007	8.0		1490
761	35003748	Võ Châu Hải Minh	09/05/2007	7.5		
762	02006176	Võ Nguyễn Uyên Minh	24/10/2007	7		
763	02081170	Võ Phan Nhật Minh	14/12/2006	6.5		
764	02006177	Võ Quang Minh	27/02/2007	6.0		
765	41009134	Võ Quang Minh	27/02/2007	7.5		
766	02046333	Vũ Nhật Minh	25/01/2007	6.5		
767	41009135	Vũ Như Hoàng Minh	19/11/2007	7.0		
768	02010954	Vương Bảo Minh	24/12/2007	6.5		
769	02010955	Đỗ Khải My	28/04/2007	8		
770	02096872	Hồ Triều My	18/01/2007	7.5		1340

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
771	02010956	Lê Hà My	09/08/2007	7.5		1360
772	02046337	Nguyễn Hà My	05/04/2007	6.5		
773	41001525	Nguyễn Kiều My	04/11/2007	7.5		
774	35003755	Nguyễn Phương Hà My	19/05/2007	7.0		
775	40020582	Nguyễn Thị Giáng My	27/11/2007	7.0		
776	02016510	Trần Lê Trà My	08/10/2007	6.5		
777	55012734	Nguyễn Tuệ Mỹ	01/05/2007	8.0		
778	02064426	Chu Nguyễn Lê Na	17/04/2007	6.0		
779	02005702	Lê Nguyễn Mi Na	14/09/2007	8.0		
780	02020949	Hoàng Công Nam	19/11/2007	6.0		
781	02048699	Lê Vũ Hải Nam	01/09/2007	7.5		
782	36000674	Nguyễn Cảnh Nam	08/02/2007	6.5		
783	02020305	Nguyễn Hoàng Nam	28/05/2007	6.5		
784	02064428	Nguyễn Phương Nam	29/06/2007	6.0		
785	01027758	Phạm Hưng Nam	14/10/2007	7.0		1490
786	44004839	Phạm Nguyễn Hoài Nam	05/08/2007	6.0		
787	19000488	Phan Hải Nam	28/01/2007		91	
788	02015740	Phan Thành Nam	13/09/2007	6.0		
789	01098095	Trịnh Phương Nam	19/08/2006	6.5		
790	48018043	Trương Hà Thanh Nam	13/03/2007	6.5		
791	44006518	Lý Tố Nga	24/10/2007	6.0		
792	58003214	Mai Huỳnh Nga	01/05/2007	6.0		
793	04013452	Trần Nguyễn Thanh Nga	25/03/2007	6.5		
794	02096900	Đỗ Hà Kim Ngân	03/09/2007	7		
795	01000994	Đỗ Quỳnh Ngân	24/07/2006	7.0		
796	02058126	Hồ Ngô Khánh Ngân	06/07/2007	6.0		
797	02064433	Huỳnh Ngọc Kim Ngân	28/05/2007	6.5		
798	02070284	Lê Hoàng Thanh Ngân	24/05/2007	6.5		
799	02005706	Ngô Minh Bảo Ngân	23/05/2007	7.5		
800	52000285	Ngô Mỹ Ngân	28/08/2007	6.5		
801	40020607	Nguyễn Gia Ngân	18/08/2007	8.0		
802	02071693	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	22/06/2007	7.0		
803	53011023	Nguyễn Huyền Bảo Ngân	28/09/2007	7.5		
804	04013456	Nguyễn Khánh Ngân	16/10/2007	8		1550
805	01019669	Nguyễn Kim Ngân	28/11/2007	7.0		
806	02081185	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	25/06/2006	6.0		
807	39009221	Nguyễn Thanh Ngân	07/12/2007	7.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
808	40020609	Nguyễn Thị Kim Ngân	04/12/2007	6.0		
809	07000318	Nguyễn Thu Ngân	09/03/2007	6.0		
810	48018638	Trần Đặng Diễm Ngân	10/04/2007	6.5		
811	02015756	Trần Hồng Ngân	20/12/2006	6.0		
812	04013461	Trần Ngọc Khánh Ngân	01/08/2007	6.0		
813	01018460	Trịnh Thu Ngân	19/11/2006	6.0		
814	02055167	Võ Hoàng Khánh Ngân	07/08/2007	6		
815	02064438	Võ Thị Kim Ngân	13/09/2007	6.0		
816	02016529	Chương Mãn Nghi	19/11/2007	6.5		
817	02064439	Hồ Ngọc Phương Nghi	08/07/2007	6.0		
818	02005708	Hoàng Vân Nghi	08/10/2007	7		
819	38000397	Huỳnh Công Gia Nghi	06/04/2007	6.0		
820	02010972	Lâm Phương Nghi	20/08/2007	7.5		
821	02081189	Lâm Xuân Nghi	16/09/2007	6.5		
822	56010647	Nguyễn Đức Gia Nghi	24/01/2007	6.5		
823	02058138	Nguyễn Hoàng Đông Nghi	25/05/2007	7.5		
824	02040433	Nguyễn Ngọc Phương Nghi	15/04/2007	6		
825	61000292	Nguyễn Phương Nghi	03/01/2007	7.5		
826	02081192	Nguyễn Trịnh Gia Nghi	22/09/2007	6.5		
827	02010978	Phạm Trần Phương Nghi	11/12/2007	6.5		
828	48018834	Phạm Xuân Nghi	01/11/2006	6.5		
829	45002911	Trần Đặng Minh Nghi	02/11/2007	6.0		
830	02046365	Trần Đông Nghi	13/10/2007	7.0		1340
831	02010979	Trần Hạ Nghi	18/04/2007	7.0		
832	58003224	Trịnh Thảo Nghi	23/02/2007	7.5		
833	55011476	Lê Trọng Nghĩa	25/11/2007	6.5		
834	02010987	Lưu Tuấn Nghĩa	12/08/2007	6.5		
835	02055179	Nguyễn Thành Nghĩa	01/12/2007	8.0		
836	02010989	Nguyễn Gia Nghiệp	17/05/2007	7.0		
837	02096933	Bùi Lê Bảo Ngọc	21/05/2007	6.5		
838	02003571	Bùi Phạm Như Ngọc	08/04/2007	7.5		
839	44004853	Đặng Nguyễn Khánh Ngọc	12/02/2007	6.5		
840	02046369	Đặng Như Ngọc	13/12/2007	7		
841	02010991	Đặng Vũ Bảo Ngọc	17/03/2007	7.0		
842	38010542	Đỗ Mai Hồng Ngọc	08/03/2007	7.5		
843	01019683	Hoàng Bảo Ngọc	05/05/2007	8.5		1580
844	02046370	Lại Bùi Bảo Ngọc	16/04/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
845	02081203	Lê An Bảo Ngọc	19/09/2007	6.5		
846	01012309	Lê Đặng Khánh Ngọc	11/08/2007	7.0		
847	02000319	Lê Khánh Ngọc	20/07/2006	6.5		
848	02010992	Lê Thanh Ngọc	17/05/2007	7.5		
849	02036253	Lin Kim Ngọc	19/09/2007	6.5		
850	02096942	Lương Thị Yến Ngọc	07/10/2007	6.0		
851	01012312	Nguyễn Bích Ngọc	17/12/2007	7.0		
852	41007853	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	01/12/2007	6.0		
853	44004854	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	22/09/2007	6		
854	02058150	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	16/04/2007	7		
855	02005724	Nguyễn Lý Gia Ngọc	16/07/2007	6.0		
856	02064445	Nguyễn Minh Ngọc	15/05/2007	6.0		
857	02092116	Nguyễn Minh Ngọc	20/12/2007	6.0		
858	02003581	Nguyễn Phạm Bích Ngọc	10/01/2007	6.5		
859	43000390	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	25/03/2007	6.0		
860	43002303	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	28/05/2007	6.0		
861	41007856	Nguyễn Trần Như Ngọc	23/12/2007	6.5		
862	37001758	Phạm Phương Ngọc	28/06/2007	6.0		
863	37000279	Trần Bảo Ngọc	28/01/2007	6.5		
864	44004858	Trần Bảo Ngọc	25/08/2007	6.5		
865	55011488	Trần Nguyễn Như Ngọc	20/11/2007	8.0		
866	02003588	Trần Nguyễn Thanh Ngọc	08/07/2007	6.5		1390
867	52008988	Trần Thị Hồng Ngọc	25/12/2007	6.0		
868	02096959	Võ Thị Minh Ngọc	24/09/2007	6.5		
869	02003589	Bùi Khôi Nguyên	21/03/2007	6.5		
870	55011491	Bùi Trần Khánh Nguyên	21/07/2007	7.0		
871	04013483	Đặng Lê Hạnh Nguyên	23/10/2007	8		1540
872	02011002	Đoàn Lê Thảo Nguyên	01/01/2007	6.5		
873	02005730	Dương Thảo Nguyên	22/09/2007	6		
874	02005731	Hà Tô Nguyên	21/12/2007	8		1420
875	01027787	Hoàng Quang Nguyên	16/12/2007	7.0		
876	02011005	Khưu Trọng Nguyên	03/11/2007	7.0		
877	02081212	Lê Khôi Nguyên	17/05/2006	6.5		1470
878	02082606	Lương Bình Nguyên	14/10/2007	6.0		
879	55011494	Lương Trí Nguyên	29/10/2007	8.0		
880	02058160	Mai Phúc Nguyên	27/05/2007	6.5		
881	28001294	Ngọc Bình Nguyên	09/09/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
882	48019882	Ngô Vĩnh Nguyên	03/09/2007	6.0		
883	02035295	Nguyễn Đỗ Mạch Nguyên	22/11/2006	7		
884	02000971	Nguyễn Đỗ Thảo Nguyên	25/10/2007	7.5		
885	02046381	Nguyễn Huỳnh Phúc Nguyên	13/10/2007	7.5		
886	51001119	Nguyễn Lê Ái Nguyên	05/05/2007	6.5		
887	41007863	Phạm Khôi Nguyên	20/01/2007	6.0		
888	41009623	Phạm Thị Thảo Nguyên	02/06/2007	6.5		
889	02003594	Phó Thành Nguyên	01/11/2007	6.0		
890	04010658	Trần Đình Cát Nguyên	10/12/2007	6.5		
891	02000336	Ung Nguyễn Thanh Nguyên	26/01/2006			1440
892	37000288	Võ Đình Nguyên	03/05/2007	6		
893	35003823	Lê Đỗ Minh Nguyệt	11/09/2007	6.5		
894	47007974	Nguyễn Ngọc Bích Nguyệt	05/11/2007	6		
895	02002951	Đỗ Đình Thanh Nhã	16/03/2007	7.5		
896	53009676	Trương Ngọc Nhân	08/09/2007	7.0		
897	02058169	Văn Thị Phương Nhân	05/12/2007	6.5		
898	02011017	Bùi Thiện Nhân	10/01/2007	6		
899	49011162	Chu Quyền Nhân	03/10/2007	7.0		
900	02058170	Đào Thiện Nhân	04/01/2007	6.5		
901	48020360	Lê Huỳnh Trung Nhân	03/03/2007	7.0		
902	02003602	Lê Trọng Nhân	21/03/2007	7		
903	02011023	Ngô Trọng Nhân	26/07/2007	6.0		
904	01066461	Nguyễn Đức Nhân	25/09/2007	7.5		
905	02044542	Nguyễn Hữu Nhân	14/03/2007	7.0		
906	35003833	Nguyễn Hữu Nhân	01/01/2007	7.0		
907	48020400	Nguyễn Lê Nhân	14/10/2007	6.0		
908	02064457	Nguyễn Phúc Thiện Nhân	29/01/2007	7.0		1380
909	02058173	Nguyễn Thành Nhân	01/12/2007	6.5		1380
910	02040447	Nguyễn Thị Thanh Nhân	05/02/2007	7.5		
911	02096969	Nguyễn Thiện Nhân	01/01/2007	6		
912	02021019	Nguyễn Trọng Nhân	10/11/2007	6.0		
913	50017586	Nguyễn Trọng Nhân	15/01/1999	7.0		
914	37000294	Nguyễn Văn Nhân	29/04/2007	6.5		
915	42001442	Nguyễn Văn Bảo Nhân	07/08/2007	7.0		
916	02096970	Phạm Thành Nhân	13/12/2007	6		
917	44004864	Phạm Thiện Nhân	22/10/2007	6.0		
918	52000315	Phan Thành Nhân	12/04/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
919	02011026	Phan Trọng Nhân	12/10/2007	6.5		
920	02005743	Trần Lê Thiện Nhân	18/11/2007	7		1490
921	40020667	Võ Duy Nhân	18/10/2007	6.5		
922	02005744	Đoàn Nguyễn Minh Nhật	02/08/2007	7.0		
923	02040448	Hà Minh Nhật	23/02/2007	7.5		1400
924	02003607	Lâm Quang Nhật	12/04/2007	7.0		1480
925	02096979	Lương Quang Nhật	02/12/2007	6.0		
926	02012885	Nguyễn Hoàng Nhật	20/09/2007	6.0		
927	37004738	Nguyễn Minh Nhật	18/05/2007	6.0		
928	02021022	Phạm Vũ Minh Nhật	26/01/2007	7.0		
929	02003609	Tô Quang Nhật	26/09/2007	7		
930	02015804	Trần Duy Nhật	20/12/2006	7.0		
931	02003610	Trần Quang Nhật	15/07/2007	7		1400
932	02011033	Đoàn Nguyên Nhi	09/09/2007	6		
933	02003612	Hoàng Bảo Nhi	24/07/2007	8		1480
934	02003614	Hồng Phương Nhi	02/09/2007	7		
935	04013507	Lê Khắc Thục Nhi	26/06/2007	7.5		
936	04010225	Lê Ngọc Phương Nhi	30/07/2007	6.0		
937	02092134	Lê Phạm Uyên Nhi	14/12/2007	6		
938	02048169	Lê Yên Nhi	07/10/2007	7.0		
939	02016557	Lương Ngọc Tuyết Nhi	16/06/2007	6.0		
940	02005749	Lưu Yên Nhi	06/12/2007	6.0		
941	02011038	Nguyễn Bùi Hồng Nhi	23/06/2007	7.5		1360
942	02092135	Nguyễn Đỗ Phương Nhi	30/04/2007	6.5		
943	04010673	Nguyễn Hà Thục Nhi	05/04/2007	6.5		1460
944	02096986	Nguyễn Hạnh Nhi	23/08/2007	7.0		
945	02046399	Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi	11/08/2007	6.5		
946	02016561	Nguyễn Lê Gia Nhi	31/07/2007	6		
947	02003620	Nguyễn Minh Nhi	16/05/2007	6		
948	52000322	Nguyễn Phương Nhi	26/10/2007	7.0		
949	30016288	Nguyễn Quyên Nhi	14/01/2007	6.5		
950	04013511	Nguyễn Thị Ý Nhi	22/02/2007	6.5		
951	40020686	Phan Vũ Thảo Nhi	01/11/2007	6.5		
952	02092143	Phùng Bảo Nhi	31/10/2007	7.0		
953	44004869	Sơn Ngọc Bảo Nhi	02/11/2007	6		
954	52000324	Trần Nguyễn Thảo Nhi	19/10/2007	6.5		
955	44004871	Trần Phạm Châu Nhi	25/09/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
956	02011044	Trần Uyên Nhi	09/02/2007	7		
957	37000311	Trần Uyển Nhi	04/07/2007	6.5		
958	02040460	Võ Yến Nhi	05/01/2007	6.5		
959	02032448	Nguyễn Hà Nhiên	21/12/2007	6.0		
960	02005267	Quảng Minh Di Nhiên	06/11/2007	6.0		
961	02011052	Cung Trúc Như	12/12/2007	6		
962	02020380	Đoàn Khánh Như	14/08/2007	6.5		
963	02011053	Đôn Nguyễn Minh Như	26/11/2007	6.5		1460
964	04013515	Hồ Ngọc Quỳnh Như	04/11/2007	6.0		
965	02016573	Lê Nguyễn Uyên Như	03/01/2007	7		
966	02015814	Lư Hoàng Uyên Như	21/10/2006	6.5		
967	42013022	Nguyễn Bảo Quỳnh Như	14/01/2007	6.0		
968	02058198	Nguyễn Hà Khánh Như	17/12/2007	6.0		
969	56010706	Nguyễn Huỳnh Minh Như	28/03/2007	6.5		
970	02011066	Nguyễn Minh Như	05/12/2007	6.5		
971	02011068	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	21/12/2007	7		
972	02002976	Nguyễn Phương Như	03/08/2007	7.5		
973	32002076	Nguyễn Thị Quỳnh Như	25/12/2007	6.0		
974	02092160	Nguyễn Từ Uyên Như	04/12/2007	6.5		
975	02092163	Phan Xuân Phương Như	24/05/2007	6.5		
976	02002978	Trịnh Hồng Tố Như	23/12/2007	7.5		
977	50014411	Trương Bảo Như	13/11/2007	7.0		
978	50007941	Đỗ Cẩm Nhung	15/11/2007	6.5		
979	44004874	Lê Nguyễn Hồng Nhung	03/06/2007	6		
980	28027046	Nguyễn Trang Nhung	31/01/2007	6.0		
981	53011111	Nguyễn Hồng Minh Nhựt	13/12/2007	6.5		
982	51001159	Mai Hải Ninh	18/02/2007	6.0		
983	34007390	Lê Xuân Ny	25/12/2007	7.5		
984	02002982	Lê Như Hoàng Oanh	15/09/2007	7.0		
985	02011070	Nguyễn Lê Tú Oanh	08/09/2007	7.0		
986	35012685	Đặng Trịnh Gia Phát	15/09/2007	7.5		
987	02002985	Huỳnh Tấn Phát	15/07/2007	6.5		
988	02015830	Lâm Lộc Phát	24/04/2025	6.0		
989	37016884	Lý Tấn Phát	06/09/2007	7.0		
990	02092169	Ngô Hoàng Phát	03/09/2007	6.0		
991	02013434	Nguyễn Hòa Phát	05/02/2007	6.5		
992	02011076	Nguyễn Khánh Phát	19/03/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
993	02096252	Nguyễn Khánh Phát	28/01/2007	7.5		
994	44004881	Nguyễn Lương Vĩ Phát	09/10/2007	6		
995	02040477	Nguyễn Tấn Phát	20/12/2007	6.5		
996	02058209	Nguyễn Tấn Phát	02/02/2007	7.0		
997	52001114	Nguyễn Tấn Phát	18/08/2007	6		
998	50006064	Nguyễn Thiên Phát	09/06/2007	6		
999	39009630	Nguyễn Tiến Phát	29/09/2007	6.0		
1000	02002987	Trần Hồng Phát	09/02/2007	6.5		
1001	44004883	Trần Trường Phát	27/02/2007	7		
1002	35013839	Đỗ Nguyễn Thanh Phong	28/12/2007	6.0		
1003	02005771	Nguyễn Huy Phong	13/12/2007	6		
1004	02058217	Trần Đình Phong	07/03/2007	6.5		
1005	02000373	Trần Nguyễn An Phong	24/01/2006	6.5		
1006	02016593	Võ Thiên Phong	31/07/2007	6.5		
1007	02011086	Cao Việt Phú	08/04/2007	6.0		
1008	01027834	Hoàng Minh Phú	28/02/2007	7.0		
1009	02011088	Lê Nguyễn Vĩnh Phú	26/12/2007	7.0		
1010	41014203	Lương Minh Phú	28/02/2007	6.0		
1011	02011089	Nguyễn Bảo Phú	19/11/2007	7.5		1400
1012	02058220	Nguyễn Đăng Phú	30/04/2007	6.5		
1013	55007981	Nguyễn Huỳnh Thiên Phú	02/11/2007	8.0		
1014	02046423	Nguyễn Xuân Phú	01/06/2007	6.0		
1015	02010614	Phạm Khương Thiên Phú	18/07/2007	7		1420
1016	02002993	Wuttara Hoàng Phú	20/01/2007	7		
1017	02011091	Đoàn Trần Diễm Phúc	22/09/2007	8.5		1560
1018	02011092	Hồ Đắc Hoàng Phúc	08/11/2007	7		
1019	02064490	Lê Hoàng Phúc	02/05/2007	6.0		
1020	02096269	Lê Thiện Phúc	19/04/2007	6.5		
1021	02064491	Lê Vũ Hoàng Phúc	26/05/2007	6.5		
1022	01012375	Mai Tuấn Phúc	31/08/2007	6.0		
1023	42000570	Nguyễn Bảo Phúc	17/10/2007	8.0		
1024	44002177	Nguyễn Gia Phúc	30/04/2007	6.0		
1025	02096271	Nguyễn Huy Phúc	25/09/2007	7.5		
1026	55007994	Nguyễn Lê Hồng Phúc	22/02/2007	7.0		
1027	02005775	Nguyễn Lê Mỹ Phúc	30/04/2007	6.5		
1028	46000541	Nguyễn Thanh Phúc	10/08/2007	6.5		
1029	02035363	Nguyễn Thành Phúc	04/01/2006	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1030	04013532	Trần Hoàng Phúc	14/10/2007	6.5		
1031	04010703	Trần Minh Phúc	06/09/2007	6.5		
1032	37000352	Trần Nguyên Phúc	18/03/2007	7.0		
1033	02016601	Trình Quang Phúc	20/12/2007	6		
1034	04010705	Lê Đức Phụng	12/02/2007	6.0		
1035	02005779	Nguyễn Gia Tường Phụng	06/09/2007	6.0		
1036	02064503	Bùi Hồ Minh Phước	24/06/2007	6		
1037	50007986	Đoàn Minh Phước	09/01/2007	7.0		
1038	02005780	Huỳnh tấn Phước	27/09/2007	7.5		
1039	45002993	Nguyễn Công Phước	26/01/2007	6.0		
1040	37006011	Nguyễn Đình Phước	24/08/2007	6.0		
1041	56010736	Nguyễn Huỳnh Phước	17/01/2007	6.0		
1042	54003264	Bùi Mai Phương	15/09/2007	6		
1043	55012774	Đình Hoàng Minh Phương	09/12/2007	7.0		
1044	44001514	Đoàn Nguyễn Thanh Phương	15/04/2007	6.0		
1045	02040491	Dương Lập Phương	02/07/2007	6.5		
1046	55008008	Huỳnh Thùy Nhã Phương	17/02/2007	6.5		
1047	02051272	Lâm Tú Phương	03/12/2007	6.5		
1048	49014661	Lê Nguyễn Minh Phương	29/07/2007	7.5		
1049	45001937	Lê Phạm Nam Phương	01/06/2007	6.0		
1050	37000359	Mai Hoàng Nam Phương	26/11/2007	7.5		
1051	04013537	Nguyễn Hà Khánh Phương	12/10/2007	7.0		
1052	02021095	Nguyễn Hải Phương	23/03/2006	6.5		
1053	02005308	Nguyễn Hoàng Nam Phương	07/06/2007	6.5		
1054	47008044	Nguyễn Huỳnh Ngọc Phương	26/03/2007	6.5		
1055	44004891	Nguyễn Mai Phương	21/09/2007	7.5		
1056	02046439	Nguyễn Mai Phương	04/10/2007	7		
1057	02011111	Nguyễn Thị Minh Phương	28/10/2007	6.5		
1058	19010477	Nguyễn Thị Minh Phương	24/10/2007	7.5		
1059	02072763	Phan Đăng Thảo Phương	02/03/2007	6.0		
1060	51018582	Phan Mai Phương	06/12/2007	7.5		1470
1061	02016603	Sân Sâu Thanh Phương	24/06/2007	7		
1062	02003004	Tô Minh Phương	19/09/2007	7		
1063	50006741	Trần Nguyễn Trúc Phương	16/05/2007	6.0		
1064	02081290	Võ Ngọc Minh Phương	18/12/2007	6.0		
1065	26002108	Vũ Lan Phương	03/04/2007	6.0		
1066	03017958	Vương Thị Hải Phương	04/03/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1067	02092189	Nguyễn Hà Ngọc Phương	09/03/2007	6.5		
1068	02058249	Bùi Tường Quân	18/01/2007	7		
1069	02058251	Đặng Trần Minh Quân	05/10/2007	6.5		
1070	02011122	Hồ Minh Quân	04/03/2007	7.5		1390
1071	02046445	Hồ Ngọc Mỹ Quân	14/04/2007	7.5		
1072	02015892	Lê Hồng Quân	04/02/2006	6.5		
1073	02048231	Lê Ngọc Minh Quân	02/04/2007	7		
1074	02096296	Lưu Mẫn Quân	02/03/2007	6.5		
1075	02011124	Mai Cát Hồng Quân	19/12/2007		96	1510
1076	02064014	Nguyễn Hoàng Quân	05/12/2007	7.5		
1077	02092191	Nguyễn Hoàng Minh Quân	13/10/2007	6.0		
1078	02011125	Nguyễn Minh Quân	09/03/2007	6		
1079	02011126	Nguyễn Minh Quân	15/11/2007	6.5		
1080	02011127	Nguyễn Minh Quân	26/05/2007	7.0		
1081	48024881	Nguyễn Minh Quân	23/08/2007	7.0		
1082	42001549	Nguyễn Văn Quân	23/04/2007	6.5		
1083	02058262	Nhâm Bội Quân	30/03/2007	7		
1084	48024942	Phạm Nguyễn Hoàng Quân	05/03/2007	7.5		1460
1085	35003910	Phùng Đình Minh Quân	22/09/2007	6.5		
1086	02058263	Trần Hoàng Uyển Quân	09/12/2007	6.0		
1087	02032449	Trương Thụy Minh Quân	09/03/2007	6.0		
1088	02003008	Văn Anh Quân	21/02/2007	7.5		
1089	02011116	Lê Xuân Quang	14/07/2007	7.5		1470
1090	02011117	Nguyễn Công Minh Quang	30/12/2007	7.5		
1091	46000559	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	18/10/2007	8.0		
1092	55008015	Nguyễn Huỳnh Nhật Quang	15/07/2007	7.5		
1093	02029718	Nguyễn Kim Quang	17/01/2007	6		
1094	02090439	Nguyễn Minh Quang	26/12/2007	7.5		
1095	02021108	Phan Minh Quang	24/05/2007	6.5		
1096	02011119	Thái Minh Quang	30/01/2007	7.5		1440
1097	02058264	Đỗ Tiến Quốc	18/04/2007	6.0		
1098	02011131	Đoàn Kiến Quốc	07/10/2007	7.5		1520
1099	02046455	Lê Trần Kiến Quốc	03/04/2007	7.5		1410
1100	02035391	Lê Căn Quý	28/12/2006	7.0		
1101	02081303	Lê Phú Quý	19/07/2005	6		
1102	02046457	Trần Đức Quý	18/10/2007	7.5		
1103	02092198	Đào Thị Tố Quyên	15/05/2007	6		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1104	02000408	Đỗ Quyên	13/03/2007	6.5		
1105	02016609	Lê Quyên Quyên	27/09/2007	6		
1106	01015656	Nguyễn Hoàng Quyên	06/11/2007	6.0		
1107	48025263	Nguyễn Quang Thảo Quyên	27/06/2007	7.0		
1108	02016613	Nguyễn Gia Quyền	25/10/2007	7.5		
1109	02048234	Quyên Cao Quyền	20/07/2007	7		
1110	32002639	Đoàn Như Quỳnh	06/03/2007	6.0		
1111	25002513	Dương Thúy Quỳnh	13/11/2007	6.0		
1112	02051300	Hoàng Thị Như Quỳnh	21/10/2007	6.0		
1113	02070378	Lê Thúy Quỳnh	21/07/2007	7.0		
1114	02081312	Nguyễn Hoàng Diễm Quỳnh	13/08/2006	6.5		
1115	02006292	Nguyễn Hương Quỳnh	27/04/2007	7		
1116	48025558	Nguyễn Lê Như Quỳnh	24/02/2007	6.0		
1117	51018606	Nguyễn Lê Như Quỳnh	29/09/2007	6.5		
1118	21016910	Nguyễn Phương Quỳnh	24/03/2007	7.0		
1119	02096315	Nguyễn Thái Diễm Quỳnh	22/05/2007	7.5		
1120	28002508	Nguyễn Thị Quỳnh	02/04/2007	6.0		
1121	37000386	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07/06/2007	6.5		
1122	63008472	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	16/06/2006			1360
1123	02016617	Nguyễn Trần Khánh Quỳnh	29/07/2007	6.0		
1124	44004904	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/12/2007	7		
1125	02016618	Phạm Ngọc Như Quỳnh	15/11/2007	6		
1126	02048241	Võ Nguyễn Như Quỳnh	25/11/2007	6		
1127	02011145	Võ Xuân Diễm Quỳnh	26/12/2007	6		
1128	02035395	Vũ Ngọc Khánh Quỳnh	16/03/2006	6.5		
1129	02046463	Hứa Nữ Tiên Sa	18/01/2007	6.5		
1130	02003020	Lý Bảo San	27/05/2007	6		
1131	02096318	Nguyễn Minh Sang	16/01/2007	6.0		
1132	44001547	Nguyễn Minh Sang	18/02/2007	7.0		
1133	29003879	Võ Minh Sáng	03/03/2007	6.5		
1134	02016624	Võ Ngọc Sáng	24/06/2007	6		
1135	02006294	Biện Bảo Thái Sơn	15/08/2007	7.0		
1136	30005673	Bùi Xuân Sơn	19/11/2007	6.5		
1137	02011152	Đinh Ngụy Trường Sơn	14/05/2007	6.5		
1138	35012761	Đoàn Thái Sơn	13/06/2007	6.5		
1139	02048246	Lê Tùng Sơn	27/10/2007	6.0		
1140	43003943	Nguyễn Đào Hữu Sơn	27/11/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1141	02013508	Nguyễn Hoàng Sơn	26/01/2007	7.0		
1142	02011154	Nguyễn Hữu Sơn	10/06/2007	6.5		
1143	08005649	Nguyễn Việt Sơn	31/07/2007	7.0		
1144	02092209	Ninh Xuân Sơn	24/06/2007	6		
1145	02011156	Trần Hoàng Sơn	14/01/2007	8.0		1450
1146	02051318	Võ Thành Sơn	16/09/2007	6		
1147	02011159	Lê Thanh Tài	07/03/2007	6		
1148	54003309	Nguyễn Anh Tài	07/02/2007	6.0		
1149	02011161	Bùi Đào Hồng Tâm	02/01/2007	6		
1150	04010743	Đào Ngọc Minh Tâm	26/08/2007	6.0		
1151	02046473	Đỗ Lê Nhật Tâm	07/05/2007	7.5		
1152	02081339	Đỗ Nhân Tâm	15/05/2007	6		
1153	48026507	Đỗ Thị Thanh Tâm	05/02/2007	6.0		
1154	02011162	Hoàng Ngọc Minh Tâm	22/01/2007	7.0		1400
1155	04010744	Lê Ngọc Bảo Tâm	25/01/2007	7.0		
1156	02035409	Nguyễn Huỳnh Trang Tâm	06/02/2006	7.5		1550
1157	02096324	Nguyễn Minh Tâm	22/03/2007	6		
1158	44001563	Nguyễn Ngọc Tâm	03/05/2007	6.5		
1159	02011163	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	07/05/2007	6.0		
1160	02092220	Nguyễn Phương Tâm	22/04/2007	6.5		
1161	41009714	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/01/2007	6.5		
1162	52004426	Phạm Minh Tâm	16/09/2007	6.5		
1163	02011164	Phan Minh Tâm	12/01/2007	7.0		1360
1164	55015572	Thái Phạm Khánh Tâm	27/10/2007	8.5		
1165	02000439	Thượng Trí Tâm	05/05/2006	7.0		
1166	57001693	Võ Diệp Thiên Tâm	21/05/2007	6.5		
1167	52001200	Vương Gia Tâm	22/12/2007	6.0		
1168	04013562	Đặng Nguyễn Nhật Tân	03/04/2007	6.5		
1169	50014461	Võ Thanh Tân	13/04/2007	6.0		
1170	02006299	Bạch Nam Tân	28/12/2007	7.0		
1171	55012790	Nguyễn Kiến Tạo	26/09/2007	7.0		
1172	02096330	Hồ Kinh Thạch	24/03/2007	6.0		
1173	40020845	Nguyễn Quang Thạch	29/07/2007	6.0		
1174	02003026	Đình Thành Thái	23/01/2007	7.0		1440
1175	02000446	Kim Vĩnh Thái	18/02/2007	7		
1176	02005346	Nguyễn Duy Thái	01/10/2007	6.5		
1177	44004936	Dương Đoàn Quyết Thắng	01/01/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1178	04013588	Nguyễn Việt Hiệp Thắng	26/06/2007	7.0		
1179	50013551	Phan Đại Thắng	10/12/2007	8.0		
1180	52000420	Phan Hữu Thắng	25/09/2007	7.5		1440
1181	02046481	Châu Hồng Bảo Thanh	04/11/2007	6.5		
1182	02006301	Huỳnh Quang Thanh	28/08/2007	7		
1183	40020851	Lê Quang Hoài Thanh	26/06/2007	6.5		
1184	02016634	Mạc Ngọc Kim Thanh	22/07/2007	6.0		
1185	02011177	Nguyễn Yên Thanh	22/08/2007	6.5		
1186	02011178	Phan Phương Thanh	29/10/2007	7.0		
1187	02064047	Trần Lê Thanh	20/03/2007	7.0		
1188	53009783	Trần Thiên Thanh	03/12/2007	6		
1189	02064048	Trương Đình Thanh	27/11/2007	6		
1190	02096339	Đặng Tiến Thành	20/10/2007	6.0		
1191	48027174	Đặng Trần Công Thành	31/03/2007	7.0		
1192	02081359	Đào Trung Thành	08/08/2007	7.0		
1193	52011646	Dương Võ Nguyên Thành	14/10/2006	6		
1194	02046487	Hà Minh Thành	14/03/2007	7		1410
1195	04013569	Lê Minh Thành	03/06/2007	8.0		1530
1196	02003031	Lê Nguyễn Khánh Thành	16/04/2007	6		
1197	61001227	Trần Việt Thành	20/11/2007	6.5		
1198	02011180	Bùi Thị Như Thảo	22/02/2007	7.0		
1199	44004929	Dương Ngọc Hiền Thảo	13/03/2007	6.5		
1200	44004933	Hồ Thị Thanh Thảo	17/01/2007	6.5		
1201	54003336	Huỳnh Ngọc Thanh Thảo	28/10/2007	7.0		
1202	02011182	Nguyễn Đoàn Ngân Thảo	26/02/2007	7.5		1340
1203	29003901	Nguyễn Minh Thảo	06/09/2007	7.0		
1204	02011183	Nguyễn Phương Thảo	20/02/2007	7.0		
1205	02016640	Nguyễn Thanh Thảo	20/10/2007	6.5		
1206	02085928	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/11/2007	6.0		
1207	44004934	Nguyễn Trần Kim Thảo	19/11/2007	7		
1208	29004442	Nguyễn Trần Phương Thảo	20/07/2007	6.0		
1209	52000414	Phạm Thanh Thảo	19/03/2007	6.5		
1210	57001628	Phạm Thanh Thảo	06/12/2007	7.5		
1211	02000464	Phan Gia Thảo	18/06/2007	6.5		
1212	39009303	Phan Nguyễn Như Thảo	28/09/2007	6.0		
1213	04013584	Phùng Lê Ngọc Thảo	06/05/2007	8.0		
1214	02058307	Trần Kim Băng Thảo	28/10/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1215	02003038	Trần Nguyễn Phương Thảo	27/03/2007	7		
1216	49004654	Trần Thanh Ngân Thảo	31/07/2007	6.0		
1217	28002551	Trịnh Thanh Thảo	25/02/2007	6.0		
1218	54003357	Nguyễn Văn Thật	01/04/2007	6.0		
1219	53011213	Nguyễn Lâm Nguyệt Thi	03/10/2007	6		
1220	56010802	Nguyễn Thị Hồng Thi	13/08/2007	6.0		
1221	02096357	Nguyễn Thị Mai Thi	04/04/2007	7.5		
1222	55011580	Nguyễn Như Gia Thiên	30/08/2007	8.0		
1223	02015964	Phan Châu Thiên	13/07/2006	6.0		
1224	04010768	Thái Thuận Thiên	29/11/2007	6.5		
1225	29003907	Dương Đức Thiện	09/11/2007	7.5		1470
1226	02046501	Lê Vũ Tâm Thiện	03/07/2007	6.0		
1227	58002471	Nguyễn Lương Thiện	16/10/2007	6.0		
1228	44004939	Nguyễn Minh Thiện	30/05/2007	6		
1229	44004940	Nguyễn Phước Thiện	11/02/2007	6.0		
1230	02003045	Võ Đức Thiện	03/03/2007	7.0		
1231	02048276	Dương Trần Doãn Thiệu	06/09/2007	6		
1232	44004942	Trần Ngọc Thiệu	16/12/2007	6.5		
1233	02058328	Ngô Vĩnh Thịnh	11/10/2007	6		
1234	02058327	Bùi Hoàng Thịnh	16/10/2007	6.0		
1235	02011190	Đào Phúc Thịnh	28/07/2007	7.0		1500
1236	02013547	Đoàn Tất Thịnh	03/08/2007	6		
1237	02003046	Hứa Lê Đức Thịnh	07/12/2007	6.5		
1238	02055318	Lê Đức Thịnh	15/11/2007	6.0		
1239	56010811	Lê Phước Thịnh	05/11/2007	6.5		
1240	31009505	Lê Trường Thịnh	20/02/2007	7		
1241	50008065	Nguyễn Hồ Cao Thịnh	10/03/2007	7.0		
1242	02016650	Nguyễn Hoàng Hưng Thịnh	26/10/2007	6		
1243	02089500	Nguyễn Phúc Thịnh	06/02/2007	6		
1244	02011196	Phạm Duy Thịnh	15/03/2007	7.5		
1245	02011197	Phạm Nguyễn Gia Thịnh	24/01/2007	6		
1246	56010817	Phạm Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
1247	02013553	Trương Chí Thịnh	17/06/2007	6.5		
1248	37000425	Trương Hứa Quốc Thịnh	24/02/2007	6.5		
1249	02081388	Trương Phúc Thịnh	10/12/2007	6.0		
1250	02011199	Võ Quốc Trường Thịnh	05/10/2007	6.5		
1251	48028703	Lê Huỳnh Anh Thơ	11/01/2007	7.0		1400

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1252	50008075	Nguyễn Anh Thơ	12/10/2007	7.0		
1253	01027959	Nguyễn Trần Thọ	26/02/2007	7.5		1530
1254	02081389	Sử Thanh Phú Thọ	17/05/2007	6.0		
1255	02003049	Nguyễn Hoàng Bảo Thoa	25/10/2007	6.5		
1256	02011201	Lương Phan Huy Thông	06/12/2007	7.5		
1257	02006318	Nguyễn Hoàng Bá Thông	19/06/2007	7		1340
1258	02011202	Nguyễn Quang Thông	08/06/2007	7.5		1440
1259	55011589	Trần Minh Thông	27/11/2007	6.0		
1260	44004957	Bùi Lê Anh Thư	14/03/2007	6.0		
1261	56010826	Châu Nguyễn Anh Thư	16/03/2007	6.5		
1262	02058350	Đặng Anh Thư	03/07/2007	6.5		
1263	51001334	Đỗ Ngọc Thư	06/11/2007	8.0		
1264	54007309	Dương Ngọc Minh Thư	03/05/2005	6.0		
1265	01066605	Hoàng Anh Thư	04/04/2007	7.0		
1266	53011240	Hoàng Ngọc Anh Thư	11/08/2007	7		
1267	02092274	Huỳnh Hoàng Anh Thư	12/01/2006	6.5		
1268	02021214	Lê Hoài Minh Thư	03/01/2007	6.5		
1269	04010782	Lê Hoàng Anh Thư	08/02/2007	6.5		
1270	02016664	Lê Huỳnh Minh Thư	14/03/2007	6.0		
1271	02011221	Lê Minh Thư	19/09/2007	7.0		
1272	51001338	Lý Anh Phương Thư	03/02/2006	6.0		
1273	02081411	Ngô Minh Thư	01/01/2005	6		
1274	38000598	Nguyễn Anh Thư	06/09/2007	7.0		
1275	56010831	Nguyễn Bảo Anh Thư	02/04/2007	6.0		
1276	37000441	Nguyễn Hoàng Anh Thư	28/12/2007	7.5		
1277	02016667	Nguyễn Hoàng Kim Thư	17/05/2007	6.5		
1278	37000442	Nguyễn Huỳnh Linh Thư	15/11/2007	7.0		
1279	52000439	Nguyễn Lê Anh Thư	06/03/2007	7.5		
1280	01019768	Nguyễn Minh Thư	06/08/2007	7.5		1370
1281	02015994	Nguyễn Minh Thư	16/07/2006	6.5		
1282	42000709	Nguyễn Ngọc Anh Thư	11/01/2007	7.0		
1283	56011294	Nguyễn Ngọc Anh Thư	15/06/2007	6.0		
1284	02058357	Nguyễn Ngọc Minh Thư	16/07/2007	7		
1285	02096390	Nguyễn Ngọc Thiên Thư	09/04/2007	7.0		
1286	02011224	Nguyễn Phùng Kim Thư	24/11/2007	6.5		
1287	02058360	Nguyễn Trần Anh Thư	27/06/2007	7.5		
1288	02021227	Phạm Anh Thư	09/02/2007	7.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1289	48029854	Phạm Lê Anh Thư	20/08/2007	7.0		1400
1290	38000602	Phạm Minh Thư	03/05/2007	6.5		
1291	02015996	Phạm Ngọc Anh Thư	21/12/1998	6.0		
1292	49004689	Phạm Trần Ngọc Minh Thư	09/05/2007	7.0		
1293	02046529	Phan Ngọc Minh Thư	28/07/2007	7.5		1460
1294	02021232	Phùng Duy Anh Thư	28/11/2007	7.5		1370
1295	44005528	Trần Anh Thư	27/11/2007	6.0		
1296	28039463	Trịnh Anh Thư	07/02/2007	6.5		
1297	02096396	Võ Minh Thư	12/09/2007	7.0		
1298	44005530	Vũ Minh Thư	23/07/2007	6.0		
1299	48030120	Vũ Ngọc Anh Thư	28/02/2007	6.5		
1300	02032025	Châu Hoàng Thức	19/05/2007	6.0		
1301	44005532	Lê Công Thức	18/08/2007	6.5		
1302	02032534	Lê Phương Thúy	21/06/2007	6		
1303	34006601	Lê Thanh Thúy	24/01/2007	6.5		
1304	52007163	Lê Linh Thùy	08/07/2007	7.5		
1305	02006321	Võ Thanh Thùy	24/10/2007	6.0		
1306	52000431	Bùi Ngọc Thủy	29/10/2007	7.5		
1307	42000703	Nguyễn Thanh Thủy	21/06/2007	6.0		
1308	02016671	Bùi Ngọc Minh Thy	16/12/2007	6.0		
1309	02048302	Bùi Nguyễn Mai Thy	16/01/2007	6		
1310	02072891	Dương Bảo Thy	12/06/2007	6.0		
1311	02011238	Nguyễn Phạm Bảo Thy	23/09/2007	6.5		
1312	02064122	Nguyễn Trần Phương Thy	23/12/2007	6.0		
1313	52000447	Phạm Hà Bảo Thy	07/09/2007	6.0		
1314	02035913	Phạm Xuân Thy	23/03/2006	6.5		
1315	02032554	Thái Minh Thy	28/02/2007	6.0		
1316	40020917	Võ Ngọc Mai Thy	08/09/2007	6.5		
1317	02011240	Võ Ngọc Vân Thy	09/08/2007	7.5		1490
1318	02003075	Ngô Phạm Hồng Tiên	29/12/2007	6.0		
1319	02016678	Võ Nguyễn Mỹ Tiên	28/10/2007	7.5		
1320	51001364	Trương Bảo Tiên	24/05/2007	6.0		
1321	02081421	Võ Nhật Tiên	29/12/2006	6		
1322	02096405	Nguyễn Trung Tín	07/03/2007	6.5		
1323	02011250	Tạ Như Trung Tín	22/04/2007	6		
1324	02072913	Trịnh Trọng Tín	22/01/2007	7.0		
1325	02092293	Hoàng Đình Toàn	22/08/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1326	02032567	Nguyễn Đình Toàn	09/09/2007	6.5		
1327	50006220	Phạm Hoàng Gia Toàn	14/09/2007	7.5		
1328	02055345	Trần Lê Hương Trà	27/11/2007	7		
1329	02021272	Cao Thùy Trâm	02/12/2007	6		
1330	02016026	Lê Đỗ Quỳnh Trâm	08/09/2006	7.0		
1331	02011264	Lê Đoàn Anh Trâm	25/08/2007	7.0		
1332	30016451	Lưu Ngọc Trâm	04/07/2007	6.5		
1333	02046561	Nguyễn Lê Trâm	11/12/2007	6.5		1440
1334	02000527	Nguyễn Lê Huỳnh Trâm	18/11/2007	6		
1335	02051434	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	25/07/2007	6.0		
1336	02048910	Nguyễn Thị Thu Trâm	29/10/2007	6.0		
1337	02035464	Trương Minh Trâm	07/10/2006	6		
1338	02011276	Đặng Mai Bội Trân	07/02/2007	8.0		
1339	02003093	Huỳnh Trương Ngọc Trân	13/12/2007	6.5		
1340	02011278	La Bảo Trân	07/04/2007	7.5		1380
1341	02046564	Lê Ngọc Bảo Trân	22/09/2007	7.0		
1342	48032251	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	19/05/2007	7.5		1360
1343	02058380	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	09/07/2007	6.0		
1344	02011283	Phạm Ngọc Bảo Trân	09/08/2007	6.5		
1345	02016689	Phan Ngọc Thảo Trân	11/01/2007	7		
1346	02003094	Trần Ngọc Bảo Trân	18/09/2007	6		
1347	19001367	Lại Huyền Trang	09/09/2007	6.5		
1348	49004710	Lê Nguyễn Thảo Trang	01/01/2007	6.5		
1349	02035460	Liên Nguyệt Thiên Trang	22/04/2006	6		
1350	03024403	Nguyễn Minh Trang	11/11/2007	6.5		
1351	44009680	Nguyễn Phạm Khánh Trang	19/10/2007	7		
1352	02003083	Nguyễn Thị Thùy Trang	11/11/2007	6.0		
1353	02035461	Nguyễn Thị Thùy Trang	18/01/2006	6.0		
1354	42000760	Thân Ngọc Minh Trang	22/08/2007	7		
1355	02011260	Trần Nguyễn Thùy Trang	30/05/2007	6.0		1380
1356	52000453	Trần Quỳnh Mai Trang	02/03/2007	7.5		1340
1357	02016685	Trần Thị Thùy Trang	13/09/2007	6.5		
1358	02003095	Danh Lâm Đức Trí	06/09/2007	7.5		
1359	35004064	Đỗ Quang Trí	29/01/2007	7.0		
1360	02011288	Lê Đức Trí	07/02/2007	7.0		
1361	02058384	Lê Trọng Trí	21/11/2007	7.5		
1362	02048918	Lương Hữu Trí	07/05/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1363	32002730	Nguyễn Đức Trí	16/08/2007	6.0		
1364	02011290	Nguyễn Mạnh Trí	22/02/2007	6.5		
1365	04013639	Nguyễn Ngọc Minh Trí	12/09/2007	6.0		
1366	02048919	Nguyễn Thành Trí	23/07/2007	6.5		
1367	02011292	Phạm Lê Minh Trí	02/06/2007	7.5		1400
1368	02003098	Phạm Minh Trí	06/11/2007	7.5		1510
1369	01036871	Vũ Minh Trí	16/10/2007	6.5		
1370	02081454	Dương Hoàng Triết	30/08/2007	6.5		
1371	02096432	Lê Minh Triết	17/12/2007	6		
1372	53009876	Tổng Minh Triết	06/09/2007	7.0		
1373	02055368	Huỳnh Hoàng Triều	25/10/2007	6.5		
1374	02013664	Phan Huỳnh Hoàng Triều	22/02/2007	6		
1375	02016695	Nguyễn Bằng Triều	04/11/2007	6		
1376	04013643	Nguyễn Duy Phương Trinh	21/09/2007	6.5		
1377	01028013	Nguyễn Khánh Trinh	12/05/2007	6.5		
1378	02011297	Lê Phú Trọng	06/11/2007	7.5		1420
1379	02011300	Lê Hoàng Thủy Trúc	30/09/2007	6.5		
1380	02081467	Lê Thị Nhã Trúc	21/11/2005	6.5		
1381	02046586	Nguyễn Cao Thanh Trúc	09/10/2007	6.5		
1382	04010832	Ông Thanh Bảo Trúc	13/12/2007	6.0		
1383	02003106	Tô Nguyễn Thanh Trúc	08/11/2007	6.5		
1384	02011304	Trần Thị Thanh Trúc	14/07/2007	6.5		
1385	02011305	Trịnh Lê Thanh Trúc	14/04/2007	7.5		
1386	37000490	Đoàn Trung Trục	06/08/2007	8.0		
1387	02050828	Hà Trung	31/12/2007	7		
1388	02032604	Huỳnh Bửu Trung	30/06/2007	6.5		
1389	48033261	Nguyễn Thành Trung	30/10/2007	7.5		
1390	02011309	Phạm Đoàn Quốc Trung	27/01/2007	7.0		1350
1391	43011195	Trần Hữu Trung	27/04/2007	6		
1392	56010888	Nguyễn Huỳnh Trước	18/07/2007	6.5		
1393	55012840	Nguyễn Đăng Trường	07/01/2007	6.5		
1394	48033426	Nguyễn Quang Trường	21/01/2007	6.5		
1395	29027386	Trần Tử Trường	22/01/2007	6.5		
1396	02011311	Nguyễn Lê Quang Truyền	01/08/2007	6		
1397	52000467	Nguyễn Cẩm Tú	28/01/2007	7.5		
1398	57001710	Nguyễn Lê Khả Tú	06/11/2007	6.0		
1399	01019795	Nguyễn Minh Tú	18/07/2007	6.0		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1400	02011317	Nguyễn Minh Tú	13/04/2007	6.0		
1401	37000494	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	04/07/2007	6.0		
1402	47008200	Phạm Đoàn Minh Tú	15/12/2007	7.0		
1403	02096457	Từ Thị Thủy Tú	06/12/2007	6.5		
1404	53008726	Phạm Tuấn	20/04/2007	6.5		
1405	02006353	Lê Đỗ Minh Tuấn	30/09/2007	6.5		
1406	48034070	Phạm Anh Tuấn	26/02/2007	8		1560
1407	02021315	Nguyễn Hữu Phúc Tuệ	01/07/2007	8.0		1530
1408	02096462	Nguyễn Ngọc Đoàn Tuệ	17/12/2007	6.5		
1409	02092315	Nguyễn Tổng Trí Tuệ	01/09/2007	6.0		
1410	02016707	Trần Huỳnh Ngọc Tuệ	31/01/2007	6.0		
1411	02096464	Đinh Việt Tùng	09/11/2007	7.0		
1412	37000502	Huỳnh Gia Tùng	29/11/2007	6.5		
1413	44005026	Nguyễn Sơn Tùng	14/10/2007	6.0		
1414	02000558	Đào Nguyễn Cát Tường	19/09/2007	6.5		
1415	02058400	Đỗ Cát Tường	21/01/2007	6.0		
1416	02000559	Lê Nguyên Cát Tường	01/11/2007	7.5		
1417	02010727	Ngô Khánh Tường	14/05/2007	7.5		
1418	41008107	Nguyễn Ngọc Cát Tường	03/08/2007	6.5		
1419	02058401	Nguyễn Trần Cát Tường	16/11/2007	7.5		
1420	02092319	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	26/12/2007	6		
1421	55011648	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	23/04/2007	6.0		
1422	02048355	Đỗ Thanh Tuyền	11/11/2007	6.0		
1423	02081502	Trần Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền	24/09/2006	6		
1424	02006356	Đặng Phước Tỷ	02/08/2007	6.5		
1425	04013654	Lê Cao Na Uy	06/12/2007	6.0		
1426	02046598	Nguyễn Quốc Uy	09/02/2007	6		
1427	35004114	Cao Minh Uyên	03/09/2007	7.0		
1428	51001436	Đặng Ngọc Minh Uyên	20/11/2007	6.5		
1429	55011657	Lê Ngọc Phương Uyên	02/05/2007	7.0		
1430	02010734	Nguyễn Phương Uyên	08/11/2007	6		
1431	35001039	Nguyễn Thuận Uyên	01/08/2007	6.0		
1432	02046607	Nguyễn Võ Phương Uyên	08/11/2007	6.5		
1433	02016710	Phạm Ngọc Kim Uyên	29/01/2007	6.0		
1434	51001439	Phan Thị Hồng Uyên	06/06/2006	6.0		
1435	44016500	Phan Thúy Uyên	03/04/2007	6.5		
1436	50008176	Trần Đông Uyên	25/05/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1437	02048956	Trần Thị Mỹ Uyên	18/04/2007	6		
1438	41003052	Trương Hoàng Tố Uyên	10/08/2007	6.0		
1439	54005922	Ngô Tuyết Vân	11/09/2007	6.5		
1440	02010743	Nguyễn Ngọc Tường Vân	07/01/2007	7.0		
1441	02044838	Nguyễn Thị Thu Vân	18/04/2007	6		
1442	02096485	Phạm Hồng Vân	04/06/2007	7		
1443	01066761	Trần Khánh Vân	21/12/2007	6.5		
1444	02010747	Vu Ái Vân	12/11/2007	7.0		1390
1445	02046615	Nguyễn Ngọc Thảo Vi	06/08/2007	6.5		
1446	02032631	Ngô Nguyễn Kỳ Viên	14/12/2007	6		
1447	02040589	Đặng Tấn Việt	07/05/2007	6		
1448	02058407	Huỳnh Quốc Việt	09/07/2007	6.5		1370
1449	02010751	Nguyễn Minh Việt	12/01/2007	8.0		
1450	52000486	Trần Quốc Việt	02/08/2007	7.0		
1451	52004590	Trần Quốc Việt	15/06/2007	6.5		
1452	28002632	Lê Bá Quang Vinh	14/04/2007	6.5		1440
1453	02000569	Ngô Thúy Vinh	26/01/2007	6.5		
1454	02003155	Nguyễn Công Vinh	23/03/2007	7		
1455	02058408	Nguyễn Gia Vinh	02/05/2007	6		
1456	42000841	Nguyễn Phan Vinh	19/03/2007	6.5		
1457	02010754	Nguyễn Thành Vinh	19/11/2007	8.5		1550
1458	52004593	Nguyễn Trịnh Thanh Vinh	18/06/2007	6.0		
1459	02010755	Ôn Gia Vinh	26/12/2007	7.5		
1460	56010915	Trần Minh Xuân Vinh	09/08/2007	7		
1461	02096495	Trần Quang Vinh	08/11/2007	6		
1462	39009769	Trương Công Thế Vinh	23/05/2007	7.0		1420
1463	02011343	Lê Hoàng Vũ	14/08/2007	7.5		
1464	02046619	Phan Phi Vũ	06/09/2007	6.5		
1465	52008217	Dương Quốc Vương	05/12/2007	6.5		
1466	49013109	Đỗ Thịnh Vượng	06/04/2007	7.0		
1467	02058870	Quản Hữu Vượng	09/11/2007	7.5		
1468	55008233	Cao Thảo Vy	22/02/2007	6.0		
1469	02058411	Đặng Ngọc Ái Vy	06/12/2007	7		
1470	02016104	Đinh Vũ Tường Vy	20/04/2006	6.0		
1471	02048376	Đỗ Hoàng Khánh Vy	03/06/2007	6		
1472	02016721	Đỗ Ngọc Phương Vy	31/12/2007	6.0		
1473	02011349	Đỗ Tống Khánh Vy	12/02/2007	6.5		

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm IELTS	Điểm TOEFL	Điểm SAT
1474	02058412	Hoàng Thanh Vy	21/05/2007	7		
1475	02064201	Lê Lý Hoàng Vy	17/07/2007	6.0		
1476	02021354	Lê Nguyễn Hạ Vy	14/04/2007	6.5		
1477	02011355	Ngô Khánh Vy	09/09/2007	7.5		1390
1478	47005303	Ngô Lê Yên Vy	16/05/2007	7.0		
1479	58008032	Ngô Mỹ Vy	19/10/2007	6.0		
1480	50015000	Ngô Phương Vy	11/11/2007	6.5		
1481	02011356	Nguyễn Bảo Vy	10/06/2007	7		1350
1482	56010922	Nguyễn Huỳnh Nhật Vy	04/06/2007	7.5		
1483	01028095	Nguyễn Khánh Vy	19/05/2007	6.5		
1484	02011358	Nguyễn Khánh Vy	12/09/2007	6.5		
1485	02003183	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	28/02/2007	6.0		
1486	02096503	Nguyễn Ngọc Tường Vy	13/02/2007	6.0		
1487	02048382	Nguyễn Quan Hoàn Vy	06/09/2007	7.5		
1488	56010926	Nguyễn Thị Thanh Vy	20/08/2007	6.5		
1489	02046628	Phùng Ngọc Nhã Vy	07/10/2007	7		
1490	02003188	Tiêu Gia Vy	03/12/2007	6.0		
1491	45003210	Trần Ngọc Lam Vy	23/07/2007	6.0		
1492	02048389	Trần Thoại Bảo Vy	29/06/2007	7.0		
1493	50008209	Trần Thúy Vy	02/11/2007	6.0		
1494	41008160	Phạm Vỹ	13/12/2007	6.0		
1495	02096510	Hồ Thanh Xuân	21/02/2007	6.5		
1496	51016331	La Ngọc Ý	16/07/2007	6.5		
1497	60000513	Phạm Ngọc Như Ý	02/04/2007	6.5		
1498	02081535	Phùng Như Ý	06/08/2006	6		
1499	02092360	Thái Thị Như Ý	05/09/2007	7.5		
1500	02006381	Đại Hoàng Yên	24/02/2007	6.0		
1501	04010871	Đặng Hải Yên	21/01/2007	6.5		
1502	02016122	Dương Hoàng Yên	09/01/2006	6.0		
1503	02021376	Nguyễn Ngọc Hải Yên	05/05/2007	7		
1504	56001670	Nguyễn Thị Hải Yên	15/04/2007	6.0		
1505	02021379	Phạm Nguyễn Hải Yên	17/09/2007	6.5		
1506	02035503	Trương Mỹ Yên	24/11/2006	6		

**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**